

HỌC-VIỆN QUỐC-GIA HÀNH-CHÁNH

LUẬN-VĂN TỐT-NGHIỆP

Trang LA 81 HC

VẤN ĐỀ

TỰ-ĐO BẢO CHÍ Ở VN.

THƯ-VIÊN QUỐC-GIA
VIỆT-NAM
Số 1337



Sinh viên

NGUYỄN-NGỌC-CẨM

THƯ-VIÊN KHOA HỌC TỔNG HỢP
LVHC 1337

BẢN ĐỐC-SỰ HÀNH-CHÁNH
KHÓA VXIIA
1969 = 1972

Học Viện Quốc Gia Hành-Chánh
không tán thành cũng như không
phản đối những ý kiến phát biểu
trong luận văn. Những ý kiến đó
do tác giả hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Chánh Kính Ghi Ôn :

- Giáo sư Viện Trưởng
- Giáo sư Phó Viện Trưởng
- Quý vị Giáo sư trong Ban Giảng Huấn

Đã tận tình giảng huấn và hướng dẫn chúng tôi
trong suốt thời gian theo học tại Học Viện.

Giáo Sư hướng dẫn

LƯƠNG-THO-PHÁT

GIÁO SƯ HỌC VIỆN QUỐC GIA HÀNH CHÍNH



MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
<u>PHẦN DẪN NHẬP.</u>	1
- Xác nhận tầm quan-trọng của báo chí trong sinh-hoạt dân-chủ qua vai-trò và nhiệm vụ.	
- Đặt giới hạn của quyền tự do Báo-chí.	
<u>PHẦN MỘT : TỰ DO BÁO CHÍ Ở VIỆT-NAM.</u>	6
<u>Chương I</u> : Quyền tự-do Báo chí được thể-hiện ra sao qua các luật lệ ban hành trước ngày Qui-chế Báo-chí 19/69 ra đời.	7
<u>Đoạn I.</u> - Các giai đoạn.	8
1- Thời kỳ Pháp-thuộc (1881 - 1945)	8
2- Thời kỳ chuyển tiếp (1945-1954)	8
3- Thời kỳ độc lập (1954-1969)	8
<u>Đoạn II.</u> -Nhận xét về quyền tự do Báo chí qua các giai đoạn trên.	10
<u>Chương II</u> : Quyền tự do Báo chí qua Luật 19/69 ngày 30-12-1969.	19
<u>Đoạn I.</u> - Phân tích nội dung luật để xác nhận quyền Tự-do Báo-chí trên bình diện lý-thuyết.	20
1- Qui chế Báo-chí được áp-dụng cho các loại báo chí nào ?	20
2- Những đảm bảo cho sự tự do xuất bản	22
3- Qui chế báo chí áp dụng cho những ai	25
4- Những giới hạn pháp lý của quyền Tự-do Báo-chí	29

	<u>Trang</u>
5- Những biện pháp kiểm soát Hành-Chánh	34
6--Những biện pháp chế tài.	36
<u>Đoạn II</u> : Thực trạng và nhận xét việc áp dụng luật 19/69	42
1- Áp dụng các thủ tục Hành-Chánh.	43
2- Chế tài các vi phạm.	48
<u>Chương III</u> : Sắc-luật 007 ngày 4-8-72.	52
<u>Đoạn I</u> - Phân tích nội dung.	53
<u>Đoạn II</u> -Nhận xét	61
<u>PHẦN HAI.- KIỂM TOÀN NỀN TỰ DO BÁO CHÍ Ở VIỆT-NAM.</u>	66
<u>Chương I</u> : Sự tu chính luật 19/69.	67
<u>Đoạn I</u> : Về chế độ tự do ngôn-luận.	68
<u>Đoạn II</u> : Về chế độ xuất bản và phát hành.	70
<u>Đoạn III</u> : Tổ chức làng báo : Qui chế ký giả.	71
<u>Chương II</u> : Điều-kiện cần phải có của một nền Tự-do Báo-chí thực sự ?	73
<u>Đoạn I</u> : Yếu tố khách quan.	74
a- Ổn định Chính-trị.	
b- Trật tự xã-hội	
c- Phát triển Kinh-tế	
d- An toàn và thăng tiến cá nhân	
<u>Đoạn II</u> : Yếu tố khách quan : thái độ cần phải có của.	75
a- Phía báo giới.	
b- Phía quần chúng	
c- Phía chính quyền.	

TỔNG KẾT. Một nền Tự-do Báo chí là nguyên tắc lý tưởng cần được thực-hiện càng sớm càng tốt. Mức tự do mà báo chí đạt được sẽ đo lường sự trưởng thành của Việt-Nam trong sinh-hoạt dân chủ.

Trang

86

—
L

THƯ-VIỆP QUỐC-GIA

PHÂN DÂN NHẬP

Trong cuộc sinh hoạt chính-trị hiện đại, báo chí đã đóng một vai trò rất quan-trọng. Tại các quốc-gia tiên-tiến hàng mấy thế kỷ nay, báo chí được nâng lên hàng đệ tứ quyền, sau các quyền Lập-pháp, Hành-pháp và Tư-pháp. Hai sứ mạng đặc biệt của báo chí là Thông-Tin và phê phán việc làm của nhà cầm quyền.

* Về mặt thông-tin, báo chí thông đạt đến quần chúng những sự việc xảy ra hằng ngày trong mọi lãnh vực khiến cho quần chúng có một nhận định tổng quát về các công cuộc trọng đại của quốc-gia.

Tại Hoa-Kỳ, một vài tổ chức đã mở các cuộc thăm dò xem có thể thay thế báo chí bằng các phương tiện khác như vô tuyến truyền thanh, vô tuyến truyền hình... nhưng không được quần chúng chấp nhận.

Tại Việt-Nam, trong cuộc nghiên cứu để thăm dò kết quả bầu cử bán phần Thượng-Nghị-Viện năm 1970, do một giáo-sư Học-Viện Quốc-Gia Hành-Chánh tổ chức đã xác nhận rằng phương tiện để đồng bào cử tri biết đến ứng cử viên văn là báo chí đứng hàng đầu.

Nhờ báo chí, mọi tầng lớp dân chúng tìm thấy các dữ kiện của cuộc sinh-hoạt quốc-gia để phán đoán và có một lập trường trước một vấn đề diễn biến cần đòi hỏi sự tham gia của quần chúng. Báo chí là gạch nối liền khối quần chúng đông đảo và tập đoàn thiểu số cầm quyền.

Muốn dư luận không phán đoán sai lầm, thì chỉ có cách là cho dư luận biết rõ công việc của chính-phủ bằng tin tức đăng trên báo chí và cố làm thế nào cho báo chí được phổ biến trong dân chúng càng rộng rãi càng có lợi.

Nếu dân biết rõ thực trạng, tình thế, công việc, nhất là những khó khăn của chính-phủ, thì chắc chắn có sự đồng tình, cảm thông, đó là yếu tố thiết yếu của chế độ dân chủ.

Như vậy, báo chí là phương-tiện để phát triển dư luận, để giúp đỡ nhân dân có tài liệu, có dữ kiện mà lựa chọn, mà phán đoán. Các vấn đề chung được tự do thảo luận thì tư-tướng quốc-dân mới được nảy nở. Không có tự do tranh luận thì sao biết được đâu là đúng, đâu là sai, ai phải, ai trái ?.

Nếu không có tự do tranh luận thì báo chí - như ở các nước Cộng-Sản - chỉ là tự do tuyên truyền 1 chiều.

* Về mặt phê-bình chính-quyền, báo chí sẽ phản ánh dư luận quần chúng để Chánh-Phủ kịp thời sửa chữa những chính sách sai lầm, chấn chỉnh các hành vi lạm quyền và vi luật của các công bộc, gây ý thức cho chính-quyền trước các vấn đề trọng đại của quốc-gia tạo cảnh giác trước các tình thế biến chuyển có ảnh hưởng đến đời sống của đại chúng.

Mọi chương-trình, mọi kế-hoạch quốc-gia khó có thể hoàn thành một cách mỹ mãn nếu thiếu sự hỗ trợ của quần chúng mà đại diện là báo chí, đóng vai trò tác động tinh thần và hướng dẫn dư-luận.

Muốn hoàn thành 2 sứ mạng cao-cả trên, báo chí cần phải được tự do, hay nói một cách khác, quyền TỰ DO BÁO-CHÍ phải được tôn trọng.

Cách đây 2 thế kỷ, Thomas JEFFERSON, vị Tổng-Thống thứ hai của Hoa-kỳ đã nói : "Tự do của chúng ta còn hay mất là ở chỗ báo chí có được tự do hay không : Nếu tự do báo chí mà bị hạn chế thì các tự do khác của chúng ta bị tiêu diệt" Ông cho rằng : "Báo chí là phương tiện hiệu nghiệm nhất để kiểm soát công việc của chính quyền".

Đó chính là sự khác biệt nổi bật giữa chế độ tự do và chế độ Cộng-Sản hay chế độ độc tài - Tại các quốc-gia này, các nhà lãnh đạo xem Tự-Do Báo-Chí là một điều nguy hiểm. Cách đây non nửa thế kỷ, LENINE đã nói "Để cho báo chí có đầy đủ quyền tự do có nghĩa là chúng ta đi vào con đường tự sát" - Áp dụng đúng quan điểm này, Thủ-Tướng KROUTCHEW trong một buổi tiếp xúc với nhà văn, nhà báo năm 1963 đã thẳng thắn nói : "Báo chí và văn-chương nghệ thuật không bao giờ có thể tự do được trong hiện tại cũng như trong tương lai, ở một xã-hội Cộng-Sản".

Như vậy TỰ DO là mục tiêu chính-yếu của một chế độ dân-chủ, nhưng ai cũng biết không tự do nào có thể là tự do tuyệt đối. Tự do không phải là muốn làm gì thì làm.

Thực ra, khái niệm tự do phải được hiểu trong khuôn khổ một xã hội có tổ chức, có trật tự, có an-toàn pháp lý. Trong một xã-hội tiến bộ, khái niệm tự do thường đi đôi với đối lực của nó là quan niệm nghĩa vụ, quan niệm trách-nhiệm.

Người cầm bút cũng như mọi phần tử khác trong xã-hội khi xử dụng ngòi bút mà gây thiệt hại cho người khác không thể viện dẫn sự tự do ngôn-luận để khước từ phần trách-nhiệm của mình.

Nói khác đi, tự do Báo-chí không có nghĩa là tự do phỉ báng, tự do mạ lỵ, tự do hô hào nhân dân nổi loạn, tự do đăng tải những tin tức, hình-ảnh khiêu dâm...

Về một mặt khác, ngày nay, quyền lực do ảnh hưởng Báo-chí càng ngày càng lớn : một lời chê của báo chí có thể làm cho một người tự tử, làm tan nát một gia-đình, có thể làm lung lay một chánh phủ hay gây ra một cuộc rối loạn, hoặc một lời khen của báo chí cũng là một vinh dự hay tạo thành một vinh dự cho một hạng người nào đó.

Do đó mà tự do báo chí - dù là một quyền tự do dùng làm căn bản cho một số tự do khác - phải bị hạn chế. Nguyên tắc hạn chế quyền tự do báo chí đã được toàn thể các nước trên thế giới, kể cả các nước dân chủ nhất, chấp nhận.

Phải khách quan và thực tế mà nhận định rằng, quyền tự do báo chí không thể hoàn toàn căn cứ trên Hiến-Pháp hay luật lệ mà xét đoán, trái lại ta còn phải nhìn vào thái độ, chính-sách của chính-quyền đối với báo-chí trong việc thực-hiện quyền này.

Vì tình-trạng đặc biệt của quốc-gia, chính-quyền có thể hạn chế quyền tự-do báo chí trong một giai đoạn cần thiết nào đó, hoặc trong một vài lãnh vực nào đó, tất nhiên mọi khía cạnh của sự hạn chế phải nhằm vào mục tiêu công ích và bảo vệ nền dân chủ quốc-gia, cũng như sự ổn cố của trật tự xã-hội.

Nói một cách khái quát, các hạn chế của quyền Tự do báo chí có thể phân biệt ra làm 2 loại :

- 1/ Hạn chế hành chánh : giấy phép làm báo, chế độ kiểm duyệt...
- 2/ Hạn chế vì quyền lợi của cá nhân và xã-hội nhằm mục đích :
 - Bảo vệ danh dự, bảo vệ đời tư người sống cũng như người chết.
 - Bảo vệ thuần phong mỹ tục, đạo đức công cộng
 - Bảo vệ pháp-luật, trật tự công cộng, an-ninh quốc-gia.

Xác định rõ ràng được giới hạn của quyền Tự-do Báo-chí như vậy, chúng ta mới có thể phân tích và mổ xẻ quyền Tự do báo-chí được đem thi-hành ở Việt-Nam một cách chính xác và khách quan.

Như chúng ta đã biết, đất nước Việt-Nam đã trải qua hơn 80 năm Pháp thuộc và ngót 25 năm đắm chìm trong khối lửa chiến-tranh, nên sinh hoạt báo chí phải trải qua nhiều giai-đoạn biến chuyển theo thời cuộc, và quyền tự-do báo chí trên thực tế lắm lúc hữu danh vô thực. Các luật-lệ chi phối báo-chí phần lớn đều có mục đích hạn chế tối đa quyền tự-do của nhà báo và thường đi ngược với trào lưu tiến-bộ của con người sống trong chế độ dân chủ.

Mãi đến nền Đệ-Nhị Cộng-Hòa, Hiến-Pháp ngày 1-4-1967, nơi điều 12 đã xác-nhận các quyền tự-do tư-tưởng, t. tự-do ngôn-luận và tự-do báo chí. Cụ thể hóa cho điều 12 Hiến-Pháp, một đạo luật đã được Lập-pháp soạn thảo và Hành Pháp ban-hành ngày 30-12-1969 ấn-định quy-chế báo-chí hiện hành. Vậy luật vừa kể và việc thực thi quy chế báo chí trong thực tế có đáp ứng được nhu cầu của nền báo chí Việt Nam trong mục-đích xây dựng tự-do dân chủ không, và nếu không, thì do những trở ngại và khó khăn nào... và cần phải có những điều kiện nào, những hoàn cảnh nào mà vấn đề tự do báo-chí ở Việt-Nam được thực thi nghiêm chỉnh và thu hoạch được những kết quả tốt đẹp hầu bồi đắp cho cây Dân-chủ càng ngày càng thêm tươi tốt ở Việt-Nam.

Trong chiều hướng nêu trên, với nhiều thận-trọng, chúng tôi xin giới thiệu nội dung của đề tài Luận-văn của chúng tôi gồm 2 phần chính yếu sau đây :

Phần I : Tự do Báo-chí ở Việt-Nam qua các luật lệ đã được ban hành : lý thuyết và thực tế.

Phần II : Kiện toàn nền Tự-do Báo-chí ở Việt-Nam : các điều-kiện khách-quan và chủ quan.

★

★ ★

PHẦN I

TỰ DO BÁO CHÍ Ở VIỆT NAM

Đề cập đến vấn đề Tự-do Báo-chí ở Việt-Nam, việc làm đầu tiên của chúng ta là phải đi ngược lại giòng lịch sử tìm hiểu cũng như phân tích các đạo-luật đã chi-phối nặng nề đến sinh-hoạt báo-chí trong thời kỳ bị Pháp đô-hộ, cũng như qua các thời kỳ chuyển tiếp và thời kỳ độc lập, để tìm xem quyền Tự-do Báo-chí đã được các chính quyền thời ấy quan-niệm như thế nào, hành xử ra sao... Và cũng trong ý-niệm ấy, chúng ta sẽ mở xẻ luật 19/69 ngày 30-12-1969 về qui chế báo-chí - một đạo luật tương đối là tiến bộ nhất từ trước đến nay trong lãnh vực báo-chí - để xem quyền tự do Báo-chí có được đặt đúng vào tầm mức quan-trọng của nó trong chế độ dân chủ mà dân và quân của chúng ta đang quyết tâm xây-dựng và củng cố không ?.

Do đó, phần I của bài Luận-văn này sẽ chia ra làm 2 Chương, đề cập đến :

Chương I : Quyền Tự-do Báo-chí được thể hiện ra sao qua các luật lệ ban hành trước ngày luật 19/69 ra đời.

Chương II: Quyền Tự-do Báo-chí qua luật 19/69 : lý thuyết và thực trạng.

*

* *

CHƯƠNG I

*Quyền tự do báo chí qua các luật lệ
được ban hành trước ngày luật 19/69 ra đời*

Trước khi đề cập đến luật lệ báo chí Việt-Nam, thiết tưởng chúng ta phải có một cái nhìn sơ lược về lịch sử tiến triển của nền báo chí nước nhà.

Báo chí Việt-Nam đã được khai sinh cùng một lúc với sự thiết lập nền đô hộ của Pháp trên bán đảo Đông-Dương.

Tờ báo đầu tiên là Gia-Định báo (1865 - 1897) ra hàng tuần do nhà bác học Trương-Vĩnh-Ký chủ trương biên tập - Tuần báo Gia-Định báo đăng những tin tức chiến sự, các bài bình-luận, quảng cáo cùng truyện ngắn, truyện dài... xứng đáng là thủy tổ làng báo Việt-ngữ.

Ngoài ra còn có những tờ báo khác là tờ "Nông cổ Mìn-đàm" (1901-1920) do người Pháp là Ông Canavaggio chủ trương cùng Lương-khắc-Minh tự Dũ Thúc chủ bút với sự công tác của Gilbat Chiếu, Lê-Hoàng-Lựu và Nguyễn-Chánh-Sắc, tờ Lục tỉnh Tân-Văn (1907 - 1943) do người Pháp là Schnéider, trước ra tuần sau ra hàng ngày...

Đầu tiên, báo chí chỉ có tính cách thông tin, đăng các luật lệ và dụ của Chính-Phủ. Dần dần báo đề cập đến những đấu tranh xã-hội, chính-trị và hô hào độc lập, tự do. Chúng ta không thể quên kể tên những tờ báo đã đóng góp rất nhiều trong công cuộc đấu tranh chống Pháp và hô hào cải tổ xã-hội như tờ "La Lutte" của Tạ-Thu-Thâu, tờ "La cloche Félée" của Nguyễn-An-Ninh, tờ Phong-Hỏa" của nhóm Tự lực Văn-đoàn - Về văn chương, báo chí đã đóng góp không

ít trong việc làm giàu và phong phú hóa nền văn-hóa Việt-Nam. Các tờ báo nổi danh là Đông-Dương Tạp-chí (1913-1916), Nam-Phong (1917-1932), Hữu-Thanh (1921-1925), An-Nam (1926-1927)...

Trong vòng 1.000 năm, Việt-Nam đã có hơn 1.000 tờ báo viết bằng nhiều thứ tiếng ra hàng ngày, hàng tuần hàng tháng... đề cập đến mọi lãnh vực văn-hóa, chính-trị, văn-nghệ, nhi-đồng, giáo-đục, tôn giáo... Sự trưởng thành mau lẹ của nền báo chí Việt-Nam đã đòi hỏi các đạo-luật phải làm sao theo kịp với đà tiến hóa chung, đáp ứng mọi nhu cầu đòi hỏi của báo chí trong thực-tế... Vậy thứ hỏi, luật-lệ về báo chí trong thời-kỳ này có làm tròn sứ mạng của mình không ?.

Để có một cái nhìn khái quát, đơn giản, nhưng rõ rệt về tình-trạng luật lệ chi phối báo chí trong thời kỳ này, chúng ta tạm chia thời kỳ này làm 3 giai đoạn, mỗi giai đoạn tương ứng với sự biến chuyển của lịch sử và sau đó là những nhận xét của chúng ta về các giai đoạn đó :

Đoạn I.- Các giai đoạn.

- 1- Thời kỳ Pháp thuộc (1881-1945)
- 2- Thời kỳ chuyển tiếp (1945-1954)
- 3- Thời kỳ độc lập (1954-1969)

Đoạn II.- Nhận xét về các luật-lệ trên đối với quyền Tự-do Báo-chí.

★

★ ★

ĐOẠN I.- CÁC GIAI ĐOẠN.

Luật lệ báo-chí làm nền tảng cho khung cảnh pháp lý hiện hữu rất nhiều và thay đổi qua nhiều giai đoạn. Xét đại thể có thể phân ra làm 3 thời kỳ : Thời kỳ Pháp thuộc, thời kỳ chuyển tiếp, thời kỳ thu hồi độc lập.

I/- THỜI KỲ PHÁP THUỘC (1881 - 1945)

Trong hơn tám mươi năm cai trị, người Pháp áp dụng luật lệ báo chí trên lãnh thổ Việt-Nam một cách không đồng nhất. Có phần là thuộc địa (Nam Kỳ) thì báo chí được hưởng qui-chế như chính quốc hoặc các thuộc địa khác của Pháp. Các xứ bảo hộ (Trung-Kỳ và Bắc-Kỳ) thì báo-chí bị chi-phối bởi những luật lệ do nhà cai trị ở mỗi địa-phương ban hành.

Luật ngày 29-7-1881 được ban hành ngày 12-9-1881 áp dụng chế-độ tự-do báo chí tại nước Pháp và các thuộc địa. Vì vậy tại Nam-Kỳ muốn xuất bản báo-chí dù Pháp-Ngữ hay Việt-Ngữ chỉ cần người quản-ly (sau đổi là Giám-Đốc) có Pháp tịch, đã thành niên và có khai báo hợp lệ với Biện-Lý Cuộc.

Tuy nhiên, chỉ có báo Pháp ngữ được tự do xuất bản vì Sắc-lệnh ngày 30-12-1898 buộc tất cả các báo Việt-ngữ, Hoa-ngữ và các báo ngoại-ngữ khác phải có giấy phép trước rồi mới được xuất bản.

Riêng tại Bắc-Kỳ và Trung-Kỳ, chính quyền Pháp đã ra Sắc-lệnh số 3.367 ngày 4-10-1927 qui-định chế độ báo chí ở Đông-Dương trừ Nam-Kỳ đã do Luật 1881 chi-phối. Sắc-lệnh này đã dựa theo hình thức và nội dung Luật 1881 nhưng được biến cải để hạn chế tự do ngôn luận và tự do báo chí tại các xứ bảo hộ. Ngoài các hình-phạt đã dự liệu trong văn kiện lập qui tòa án văn có thể áp dụng các điều luật hình trong các bộ luật canh cải của Bắc và Trung-kỳ.

Khi thế chiến thứ hai bùng nổ, vì nhu cầu chiến tranh, nhà cầm quyền Pháp một mặt phải đương đầu với các lực lượng hùng mạnh của Nhật lúc đó đang mở rộng phạm vi hoạt động trong vùng Đông-Nam-Á, mặt khác phải đối phó với các luồng dư-luận của dân tộc Việt-Nam đang muốn thoát khỏi xiềng xích nô lệ. Họ đã đưa ra và thi hành hàng loạt những văn-kiện an-định các biện pháp đối phó với báo chí như Sắc luật ngày 24-8-1939 liên quan đến việc kiểm duyệt báo chí và các án luật phạm trong tình-trạng chiến-tranh. Sắc-luật

27-8-1939 về việc kiểm soát để phòng những ấn loát phẩm, hình vẽ và các bản viết để in hoặc dùng trong các buổi phát thanh hoặc các buổi chiếu bóng. Sắc-Luật ngày 1-9-1939 trừng trị sự phổ biến những tin tức có hại cho tinh thần quân-đội và dân chúng. Dự số 78 ngày 15-1-1940 truy tố những tác giả, những tin tức có lợi cho các cơ quan ngoại quốc chống lại nước Pháp, chống lại "Hoàng triều An-Nam" hoặc gây ảnh hưởng xấu cho tinh thần quân-đội và dân chúng. Luật ngày 13-12-1941 buộc phải xin phép trước tất cả các nhật báo và báo định kỳ trong các lãnh thổ thuộc quyền Bộ thuộc địa Pháp.

II/- THỜI KỲ CHUYỂN TIẾP (1945 - 1954).

Tháng 3/1945 Pháp bại trận ở Đông-Dương, nhà cầm quyền Việt-Nam bị Nhật chi-phối và có những công-văn chỉ-thị kiểm duyệt các phương tiện thông tin và nhất là vô tuyến truyền thanh.

Đến tháng 8/1945, Nhật bàn đầu hàng Đồng-Minh và Việt-Minh thừa cơ hội đoạt chính-quyền, luật lệ báo chí và quyền tự do trong giai đoạn này kể như không có.

Dần dà, mãi đến năm 1949, một quốc-gia Việt-Nam thành hình trong khói lửa chiến-tranh, mặc dù bị kiểm chế bởi chế độ kiểm duyệt (do ND số 31 Cab - Prés ngày 6-9-53 và bị chi phối bởi luật 1881 và Sắc-Luật 4-10-1927 báo chí Việt-Nam ở cả ba miền vẫn có cơ hội phát triển mạnh. Số xuất bản cũng như số lượng phát hành đều tăng rõ rệt.

Cuộc chiến tranh Việt-Pháp bước sang giai-đoạn quyết-liệt. Một số văn-kiến mới liên quan đến báo chí đã được ban hành. Sau Dự số 7 ngày 9-6-1950 và Dự số 35 của Quốc-Trưởng Bảo-Đại ngày 8-12-1953 dành cho Thủ-Tướng Chính phủ quyền được dùng những biện pháp để ngăn ngừa và trừng trị những hành-động phương-hại đến an-ninh công-cộng và sự trị an trong nước. Thủ-Tướng Bửu-Lộc ký Nghị-định ngày 5-4-1954 định lại thể lệ kiểm duyệt các ấn-loát phẩm xuất bản trong nước và những biện pháp chế tài áp-dụng cho những vụ vi phạm.

III/- THỜI KỲ ĐỘC LẬP (1954 đến nay)

a- Giai đoạn 1954 - 1963.

Hiến-Pháp nền đệ I Cộng-Hòa ngày 26-10-1956 điều 16 đã công nhận quyền tự do ngôn luận và tự do báo chí :
"Mọi công dân đều có quyền tự do ngôn-luận - Quyền này không được dùng để vu cáo, phỉ báng, xâm phạm đến nền đạo lý công cộng, hô hào nổi loạn hoặc lật đổ chính-thể cộng-hòa.

Mọi người dân đều được hưởng quyền Tự-do báo chí để tạo thành một dư-luận xác thực và xây-dựng mà Quốc-gia có nhiệm vụ bảo vệ chống lại mọi hành vi xuyên tạc sự thực!"

Một điểm đáng ghi là ngày 19-2-1956. Tổng-Thống Ngô-Đình-Diệm ký Sắc-lệnh số 23 TTP đình chỉ việc thi-hành kiểm duyệt báo chí Việt-Ngữ và ngày 20-2-1956 ban hành Dự số 13 ấn-định những hình phạt tiền và hình phạt giam đối với những vi-phạm luật lệ báo-chí hiện-hành và tất cả các phương tiện xuất bản phổ biến khác.

Tuy quyền tự do ngôn-luận, tự do báo chí và xuất bản đã được ghi trong Hiến-Pháp và chính-quyền hồi đó có đề cập đến vấn đề soạn định luật pháp nhưng công việc tiến hành chẳng được bao-lâu khiến cho báo chí Việt-Nam vẫn bị ràng buộc bởi những luật lệ hiện hành là những luật lệ của Pháp cộng chung những văn-kiến của thời Đệ Nhất Cộng-Hòa như việc phát hành báo chí (1953) và thể lệ nạp bản (1959)...

b- Giai đoạn từ 1963 - đến nay.

Chánh Phủ Ngô-Đình-Diệm bị lật đổ ngày 1-11-1963- Báo chí Việt-Nam đặt tin-tương vào chính phủ mới.

Ngày 19-7-1964 - Nguyễn-Khánh ký Sắc-Luật số 2/64 công nhận quyền Tự-do Báo-chí và ấn-định thể thức truy tố những tội trạng do báo-chí gây ra. Bộ Thông-Tin cho phép báo chí xuất bản hàng loạt và một số báo xuất bản thời đệ I Cộng Hòa đã biến dạng.

Ngày 19-2-1964, Tổng-Trưởng Thông-Tin Phạm-Thái ký Nghị-Định ấn-định thể thức cho phép các chính đảng xuất bản nhật báo và tạp chí, và sau đó Thủ-Tướng Chánh-Phủ ban hành Sắc-Luật 10/64 ngày 30-4-1964 về qui-chế tự do xuất bản báo chí và tổ chức nền báo chí Việt-Nam trong đó có việc thành lập Hội-Đồng Báo-Chí, việc tịch thu và đình bản báo chí.

* Hiến-Pháp ngày 1-4-1967, điều 12 công nhận quyền tự do tư tưởng, tự do ngôn-luận, báo chí và xuất bản, miễn là sự hành xử những quyền này không phương hại đến danh dự cá nhân, an-ninh quốc-phòng hay thuần phong mỹ tục - Chế độ kiểm duyệt không được chấp nhận, ngoại trừ các bộ môn điện ảnh và kịch trường. Hiến-Pháp còn minh thị một đạo luật sẽ ấn-định quy-chế báo chí.

Nhà báo Việt-Nam cũng như nhân dân Việt-Nam khao khát tự do và không ngừng tranh-đấu để thực-hiện sự độc-lập và dân-chủ, rất vui mừng khi thấy quyền tự do tư-tưởng và tự do ngôn-luận, báo chí và xuất bản được tôn Hiến-Pháp công-nhận bên đũa nhau phơi bày trên mặt báo những ý nghĩ chất chứa thắm kín từ trước đến nay.

Về phía chính quyền, chủ-tịch Ủy-ban Lãnh-Dạo Quốc-Gia đã ký Sắc-luật 29/67 ngày 20-7-1967 đình chỉ việc kiểm duyệt nhật báo và tạp chí có giấy phép xuất bản của Bộ Thông-Tin trên toàn lãnh thổ Việt-Nam Cộng-Hòa.

Trong khi luật-lệ về Báo-chí đang soạn thảo thì qua biến cố Tết Mậu-Thân do Cộng-Sản đánh phá vào các thành thị, chánh phủ đã ra một thông cáo tạm thiết lập lại chế độ kiểm duyệt, một số báo đã bị đình bản hữu hạn hoặc vô hạn như tờ báo Tiên của Đặng-văn-Nhâm vì "tự ý đăng một bài không được kiểm duyệt trước", báo Sống của Chu-Tử bị đình bản trong một tháng vì "xúc phạm uy-tín của cấp lãnh đạo Quốc-Gia và phỉ báng các đại-diện Quốc-Gia dân cử".

Đến thời kỳ Chánh-Phủ Trần-văn-Hương, trong một cuộc tiếp xúc với báo giới ngày 31-5-1968, đã xác nhận với

báo chí sẽ bãi bỏ kiểm duyệt - Và sau ngày đó chính quyền đã cho tái bản 1 số nhật báo như tờ Vận-Hội-Mới của Quốc-Ân, Thân-Dân của Phan-Nghê, Thanh-Dân của Thanh-Quang, The Việt-Nam Guardian của Nguyễn-văn-Tươi, Thanh-Việt của Hồ-quang-An, Tiếng Chuông của Đinh-văn-Khai, Saigon Mới của bà Bút-Trà...

Thi hành Hiến-Pháp, Chánh-quyền đệ II Cộng-Hòa cho xúc tiến việc soạn thảo một qui chế báo chí và đã được ban hành ngày 30-12-1969 gồm 8 chương và 69 điều, và chúng ta sẽ phân tích và phê bình kỹ ở chương II.

★

★ ★

ĐOẠN II. - NHẬN XÉT VỀ QUYỀN TỰ DO BÁO CHÍ QUA CÁC GIAI ĐOẠN TRÊN.

Báo chí Việt-Nam đã thành hình và phát triển hơn 100 năm nay và trải qua nhiều giai đoạn, quyền Tự do Báo chí, ngôn luận, xuất bản đã được các luật lệ long trọng xác nhận... nhưng trên thực tế, báo chí Việt-Nam có hưởng đầy đủ các quyền đó không ?.

Trong thời kỳ Pháp thuộc, sinh hoạt Báo chí bị chi phối bởi Luật 29-7-1881. Theo đó quyền Tự do Báo-chí được công nhận, nhưng trên thực tế, quyền này chỉ áp dụng do các báo chí ở chính quốc, còn ở các xứ thuộc địa và bảo hộ, chánh quyền Pháp lấy lý do là vì tình hình chính-trị, quân sự... nên ban hành thêm những luật lệ khắc khe với mục đích là bóp nghẹt tiếng nói của một dân tộc lúc nào cũng mong muốn có hòa-bình, độc lập và tự do !

Trong thời kỳ chuyển tiếp, Việt-Nam khi thì bị đặt dưới chế độ quân phiệt của Nhật. Khi thì dưới ách độc tài của Cộng-San, thì Báo chí làm sao có chút ít quyền tự do nào ?.

Trong suốt thời kỳ trên, một vấn đề đã vi-phạm trọng trọng đến nguyên tắc Tự-do Báo-chí hơn cả là vấn-đề kiểm duyệt báo chí, được thiết lập từ năm 1939 và duy trì mãi đến thời kỳ độc lập, chỉ mới được xác nhận là bãi bỏ kể từ ngày 1-5-1968 dưới thời chánh Phủ Trần-văn-Hương theo đúng tinh thần của Hiến-Pháp 1-4-1967.

Vậy kiểm duyệt là gì ?

Trên phương diện lý-thuyết, kiểm duyệt là một biện-pháp đặc biệt được ban hành trong tình trạng khẩn trương của Quốc-Gia, với 2 mục đích chính là :

1/ Bảo đảm an-ninh Công-cộng.

Kiểm duyệt là để ngăn-ngừa việc loan tin hoặc bình-luận có thể khiến cho tình trạng khẩn trương thêm trầm trọng. Nếu quan niệm như vậy thì việc kiểm duyệt báo chí phải được thu hẹp vào 2 tiêu chuẩn :

- Chỉ kiểm duyệt những tin tức có hại cho trật tự công cộng.
- Sự có hại đó phải là sự nguy hại trầm trọng và không thể sửa chữa các hậu quả.

2/ Bảo đảm an-ninh quốc-phòng.

Bộ Quốc-Phòng khi nhận thấy một bài báo có tính cách nguy hại cho an-ninh quốc-phòng thì có quyền yêu cầu tịch thu tờ báo trước khi phát hành để bảo vệ bí mật quân sự và tiềm lực đấu tranh.

Trên thực-tế, việc kiểm duyệt báo chí thường vượt quá các tiêu chuẩn nói trên và thường thường được áp dụng để loại bỏ các tin tức và luận điệu.

- có lợi cho Cộng-Sản
- có tính cách nguy hại rõ rệt cho nền an-ninh công cộng.

- có tính cách phá hoại uy-tín các vị lãnh đạo và chế độ.
- có tính cách chia rẽ nội bộ Quốc-gia, có thể gây sự xáo trộn nguy hại cho tiềm lực đấu tranh của dân tộc.
- có tính cách gây sự khó khăn cho việc bang giao với các nước bạn.
- có tính cách phỉ báng, mạ lỵ cá nhân quá đáng và xúc phạm thuần phong mỹ tục một cách trắng trợn.
- tiết-lộ những tin tức có hại cho bí mật quốc-phòng hoặc làm giảm tinh thần chiến đấu của quân-đội.

Như vậy, phạm vi kiểm duyệt trên thực tế đã đi quá xa và đã giẫm chân lên Luật-Pháp.

Khi một tờ báo loan tin làm lợi cho Công-Sản, hoặc vi phạm thuần phong mỹ tục... thì chính-quyền có quyền truy tố báo ấy ra tòa và sẽ chịu mọi hình phạt do luật lệ đã qui định sẵn.

Như vậy, kiểm duyệt báo chí trước khi báo được phát hành là một vi-phạm trắng trợn đến quyền tự do báo chí !

Các văn-kiến pháp-lý làm căn bản cho vấn đề kiểm duyệt rất nhiều, kể từ thời kỳ Pháp-thuộc đến thời kỳ độc lập, tuy rằng có một vài chánh-phủ đã bãi bỏ (thời chánh-phủ Ngô-Đình-Diệm với Sắc-lệnh 23-TTP/19-2-1956) nhưng chỉ trong một thời gian ngắn vì tình thế, đã tái lập lại.

Mãi đến ngày 1-5-1968, Tổng-Trưởng Thông-Tin Tôn thất-Thiện đã nhân danh Chánh-phủ Trần-văn-Hương tuyên bố bãi bỏ kiểm duyệt theo đúng tinh thần 12 Hiến-Pháp và Luật 19-69 ngày 30-12-1969 cũng long trọng xác nhận ở điều 2.

Trên đây là vấn đề kiểm duyệt một biện-pháp hành chánh đã vi phạm trầm trọng nguyên tắc Tự do Báo chí trong suốt thời kỳ trước khi luật 19/69 ngày 30-12-1969 ra đời.

Tuy nhiên, nếu đã đề cập đến chế độ kiểm duyệt mà không nhắc đến chế độ xin giấy phép trước khi xuất bản là một thiếu sót lớn lao, vì trên thực tế, 2 chế độ này bao giờ cũng đi đôi với nhau.

Luật 1881 qui định quyền tự-do báo chí nhưng Sắc lệnh 30-12-1898 buộc tất cả các báo Việt-ngữ, Hoa-ngữ... phải có giấy phép trước rồi mới được xuất bản.

Đến thời kỳ độc lập, bộ trưởng Thông-Tin Trần-Chánh-Thành ký Nghị-định số 266-ND/BTT ngày 14-12-1955 buộc các cá nhân hay tổ chức muốn phát hành báo phải có giấy phép của Bộ Thông-Tin - Hậu quả của Nghị-định này là việc phát hành báo chí không còn ở trong tay tư nhân và tập trung vào nhà phát hành Thống-Nhất do Hội Cựu Chiến-Sĩ phụ trách, nhưng trên thực tế nhà này bị chính quyền bí mật điều khiển ...

Sau ngày Cách-Mạng, chế độ báo chí dưới thời đệ I Cộng-Hòa vẫn tồn tại trên mặt pháp lý, trên thực-tế, báo chí được tự do chỉ trích chế độ đã cáo chung, nhưng không được đề động đến chính quyền hiện hữu.

Ngày 19-2-1964, một Sắc-luật lớn tiếng "Công-nhân quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận, cho phép chính đảng quốc-gia đã có giấy phép của Bộ Nội-Vụ cấp, để được tự do hoạt động xuất bản báo chí, nhưng tư nhân vẫn phải tuân theo các luật lệ cũ nghĩa là vẫn phải xin phép chính quyền".

Trong thực tế, Bộ Nội Vụ rất dè dặt cấp giấy phép cho những chính đảng nên quyền tự do xuất bản chỉ áp dụng cho vài ba đảng mà thôi.

Ngày 30-4-1964, một Sắc-luật thứ hai mang tên to lớn hơn "Sắc-luật về qui-chế tự do xuất bản báo chí và tổ chức nền báo chí".

Theo điều 10 của Sắc-luật này thì công dân có quyền xuất bản báo chí nếu "không có khuynh hướng Cộng-sản, không là tay sai của thực dân và không thân Cộng".

Sắc-luật không nói rõ làm sao để chứng minh những cái "không" ấy, ai sẽ chứng minh cho người xuất bản đó hội đủ "3 không", cơ quan nào của chánh-phủ sẽ được quyền cấp giấy phép chứng nhận ?.

Sắc-luật này còn qui-định một điều kiện là phải ký quỹ 200.000\$, lại còn phải tốt-nghiệp một phân khoa Báo chí của một Viện Đại-Học được Chánh-Phủ công nhận.

Trong thực tế, các điều kiện xuất bản báo chí quá khắc khe nên không bao giờ được áp dụng cả và trong khi nó chưa được áp dụng thì chế độ giấy phép vẫn còn.

Năm 1965, Chủ-Tịch Ủy-Ban Hành-Pháp Trung-Ương ra chỉ thị đóng cửa tất cả các báo nào mà tình trạng không hợp với Sắc-luật 1964, nhưng vì không thể áp dụng được Sắc-luật này, trên chính quyền phải tái lập cho một số chủ báo giấy phép xuất bản.

Trên đây, chúng ta vừa mới phác họa sơ qua về những sự kiện pháp lý đã vi phạm trăm-trọng nguyên tắc tự do báo chí : Văn đề kiểm duyệt và chế độ xin giấy phép.

Trên thực tế, có nhiều tệ trạng càng thâm não hơn nữa : Sự đe dọa, đàn áp liên quan đến cơ sở và tính mạng của người cầm bút như ám sát những ký giả có lập trường chống đối lại chính phủ, đặt chất nổ hoặc ném lựu đạn phá hoại các tòa-soạn báo đối lập.

Biết bao chiến sĩ đã ngã gục vì muốn bảo vệ lý tưởng ngời bút của mình (cố ký giả Tử-Chung của báo Chính-Luận) tòa soạn báo Chính-Luận, Tin-Sớm bị phá hoại nhiều lần... Vì đã có những lập-trường chống đối lại chính quyền thời đó hay đã quá chống Cộng hăng say.

Thực trạng báo chí thời đó là như thế thì còn đâu gọi là quyền tự do ngôn-luận, tự do báo chí.

Các chánh quyền thời đó vẫn biết rõ thực trạng này và cũng muốn san phết bộ mặt độc tài của mình bằng một

lớp sơn dân chủ giả tạo cốt ý để mị dân, nên đã ban-hành các Sắc-luật 2/64 và 10/64 công nhận quyền tự-do báo chí và tự do ngôn-luận, nhưng lại sợ báo chí quá tự do nên vẫn giữ nguyên vẹn luật lệ cũ, nhiều khi lại tỏ ra khắc nghiệt hơn - Do đó, các Sắc-luật ấy hóa hữu danh vô thực, đưa đến tình trạng vô luật-lệ.

Chính vì thực trạng bi đát đó mà nhu cầu đòi hỏi một qui chế báo chí thích hợp với tình trạng hiện hữu đã không ngừng thúc bách các nhà Hành-Pháp và Lập-Pháp.

Điều 12 Hiến-Pháp đã ghi "Quốc-gia tôn-trọng quyền tự do tư tưởng, tự do ngôn-luận, báo chí và xuất bản, miễn sự hành xử các quyền này không phương-hại đến danh dự cá nhân, an ninh quốc-phòng hay thuần phong mỹ tục".

Ý thức được 2 ý-niệm trên - thực trạng bi đát và tuân hành Hiến-Pháp - Ngày 30-12-1969, chính-quyền đã ban hành Luật 19/69, gồm có những điều khoản hợp lý dân chủ và tự do hơn để đáp ứng với sự đòi hỏi cấp thiết của đà tiến hóa nói chung và sự trưởng thành của báo chí nói riêng.

Chúng ta sẽ phân tích đạo-luật này ở chương II để xem đạo-luật ấy có thỏa mãn sự khao khát quyền tự do báo chí của đại đa số quần chúng không ?.

*

* * *

CHƯƠNG II

Quyền tự do báo chí qua luật 19/69 ngày 30-12-1969 về quy chế báo chí

Qua các luật lệ về báo chí mà chúng ta vừa trình bày ở trên thì quyền Tự-do Báo chí chỉ là một ảo ảnh, một ước mơ hảo huyền của người cầm bút.

Nhưng Việt-Nam đã tiến bộ... HIẾN PHÁP 1-4-1969 đã long trọng xác-nhận ở điều 12 : "Quốc-Gia tôn trọng quyền Tự-do ngôn-luận, báo chí và xuất bản". Đoạn đầu của điều 12 đã gộp chung 3 quyền đó lại là "Quốc-gia tôn trọng và công nhận quyền trình bày tin tức bằng lời nói hoặc in lên trên báo chí và xuất bản phổ biến báo chí."

Nhưng sau khi công nhận các quyền tự do, điều 12, đoạn văn kế tiếp đã giới-hạn như sau : "Miễn là sự hành xử các quyền này không phương hại đến danh dự cá nhân an-ninh quốc-phòng hay thuần phong mỹ-tục".

Chúng ta ghi nhận rằng cách hành văn của các nhà lập hiến có thể gây hiểu lầm rằng các giới hạn trên có thể áp dụng cho các quyền tự do tư-tưởng, chúng ta quan-niệm rằng tự do tư tưởng không thể nào bị giới hạn được.

Đoạn 2 của điều 12 Hiến-Pháp chấp nhận một ngoại lệ là chỉ kiểm duyệt kịch-trường và điện-ảnh.

Đoạn 3 của điều 12 dự liệu "Sẽ có một đạo-luật ấn-định qui-chế báo chí bằng những chi-tiết về cách hành xử quyền tự do Báo-chí..."

Và kết quả của điều này là đạo-luật 19/69 ngày 30-12-1969 ra đời.

Về hình thức, Luật 19/69 gồm 8 chương và 69 điều. Chương I ngắn nhất có 2 điều và Chương III dài nhất có 17 điều. Ở đây, chúng ta không phân tích đạo luật về phương diện hình thức, mà chỉ phân tích nội dung xem quyền Tự-do Báo-chí đã được thể-hiện thế nào qua đạo-luật ấy ở đoạn I và thực trạng của việc áp dụng có ở đoạn II.

★

★ ★

ĐOẠN I. - PHÂN TÍCH NỘI DUNG LUẬT 19/69 ĐỂ XÁC NHẬN QUYỀN TỰ DO BÁO CHÍ TRÊN BÌNH DIỆN LÝ THUYẾT.

Nhìn toàn diện về nội dung của đạo luật 19/69 ngày 30-12-1969 chúng ta có thể nêu lên đây các điểm :

- ★ Qui chế báo chí Việt-Nam được áp-dụng cho các loại Báo-chí nào ?.
- ★ Những đảm bảo của quyền Tự-do Báo-chí.
- ★ Chế độ tự do Báo-chí áp-dụng cho ai, cho những người nào ?.
- ★ Những giới hạn của quyền Tự-do Báo-chí.
- ★ Các biện pháp kiểm-soát Hành-chánh.
- ★ Những biện-pháp chế tài.

Chúng ta thử phân tích từng điểm một để xác định quyền tự-do Báo-chí qua đạo-luật trên :

I/- QUI CHẾ BÁO CHÍ VIỆT-NAM ĐƯỢC ÁP DỤNG CHO CÁC LOẠI BÁO CHÍ NÀO ?

Luật 19/69 ngày 30-12-1967 đã ấn-định rõ những loại Báo chí nào được đạo-luật ấy áp-dụng. Điều 3, đoạn 3 ấn-định "Danh từ Báo-chí dùng trong luật này bao gồm mọi nhật báo hay tạp chí có định kỳ".

a- Những báo và tạp chí chuyên môn xuất bản định kỳ có được sự áp dụng của luật này không ?.

Theo quan-niệm này thì các ấn loát phẩm chuyên môn không có tính cách chính-trị như nhật báo không được sự áp dụng của luật này.

Theo ý chúng ta. Khó lòng mà ấn-định ấn-loát phần nào có tính cách chính-trị, điều 3, đoạn 3 đã không có một sự dè-dặt nào cả. Các tạp chí định kỳ không phân biệt tính cách đều được sự áp-dụng của luật, yếu tố quan-trọng để xác định là yếu tố định kỳ.

b- Những ấn-loát phẩm có tính cách Thương-mại như quảng cáo tạp san, tài-liệu xử-dụng có được sự áp-dụng của luật không ?.

Phần lớn những ấn-loát phẩm này không định kỳ và có mục đích chính là trục lợi nên không được áp-dụng luật này.

c- Sách, bích-chương có được sự áp dụng của luật này không ?.

Đối với loại này áp-dụng luật 19-7-1881 và những văn-kiện sửa đổi luật này cùng với Nghị-định 5-4-1954 Nghị-định 29-6-1929 và Sắc-luật 30-4-1964.

Tại Pháp-quốc, theo luật 1881, áp dụng tự do Báo chí cả sách và bích-chương.

Tại Việt-Nam, sách và bích chương phải được giấy phép của Bộ Thông-Tin và phải bị kiểm duyệt Nghị-định 5-4-1954 lập các ủy ban kiểm duyệt "Các ấn-loát phẩm, sách, tranh ảnh, biểu ngữ, áp phích, truyền đơn, những vở tuồng, các bài hát, bản nhạc ; trước khi xuất bản, công bố, diễn xuất trước công chúng hay quảng cáo bằng vô tuyến truyền thanh, vô tuyến truyền hình, hay chiếu bóng, các bài diễn thuyết hay nói chuyện trước công cộng.

Đối với Luật 19/69, điều 3 đã quá rõ ràng cho nên không áp dụng đối với các phương tiện vừa kể trên.

Điều 2, đoạn 12 Hiến-Pháp đã nói rõ là không kiểm duyệt trừ bộ môn điện ảnh và kịch trường. Theo nguyên tắc suy diễn chặt chẽ, thì theo Hiến-Pháp chỉ có kịch trường và điện ảnh mới bị kiểm duyệt. Nhưng theo quan điểm của Hành-Pháp, chế độ kiểm duyệt vẫn còn áp dụng đối với các ấn loát phẩm khác ngoài nhật báo và báo chí định kỳ. Quan niệm này có tính cách vi hiến nhưng chưa có dịp để Tối-Cao-Pháp-Viện phân xử.

Còn về bộ môn Truyền-Thanh và Truyền-Hình thì Quốc gia giữ độc quyền và hiện nay được tổ chức như công sở, dưới sự điều khiển của Bộ Thông-Tin.

d- Các ấn-loát phẩm ngoại-quốc có được áp dụng luật 19/69 không ?.

Các ấn loát phẩm ngoại-quốc nhập cảng bất cứ là sách báo tranh ảnh, bài hát, bản nhạc... đều phải chịu sự kiểm duyệt trước khi bày bán hoặc lưu hành tại Việt-Nam theo Nghị-định 5-1-56.

II/- NHỮNG ĐẢM BẢO CHO QUYỀN TỰ DO BÁO CHÍ.

Khi ban hành những nguyên tắc tự-do Báo-chí thì những chương ngại sau bị bãi bỏ bằng minh văn hoặc mặc nhiên.

a- Những đảm bảo của sự Tự-do xuất bản.

- 1/ Không bó buộc bị ký quỹ
- 2/ Không phải xin phép trước khi xuất bản báo chí Điều 3 "Mọi thể nhân hay pháp nhân có quốc-tịch Việt-Nam đều có quyền xuất bản sau khi khai báo tại Bộ Thông-Tin".
- 3/ Điều kiện mà chủ nhiệm, chủ bút, quản-lý phải có (điều 6) :

- Phải có quốc-tịch Việt-Nam
- Ít nhất là 25 tuổi đến ngày nộp hồ-sơ khai báo.
- Không có tiền án về tội đại hình hay tiểu hình, hay tù từ 3 tháng trở lên, không kể các tội sơ xuất, bắt cần và các tội phạm báo chí trừ các tội dự liệu tại điều 27 (xúi dục phạm tội, xúi dục quân dân bất tuân kỷ luật, đề cao tội trên), điều 28 (phổ biến những luận điệu tin tức thất thiệt) điều 29 (phổ biến tin tức và luận điệu đề cao Cộng Sản).
- Không có hành vi nhằm mục-đích tuyên truyền hay thực hiện chủ nghĩa Cộng-Sản.

- Chủ-nhiệm, chủ bút, quản lý, một trong 3 người này không được hưởng quyền đặc miễn tài phán. Riêng chủ nhiệm, chủ bút phải hoặc có một văn bằng báo chí, hoặc có văn-bằng đại-học hoặc đã làm thơ ký tòa soạn trong thời gian tổng cộng trên 1 năm hoặc đã làm ký giả trên 2 năm tại 1 hay nhiều cơ quan báo chí, thông tấn hay đài phát-thành hoạt-động hợp pháp tại Việt-Nam, hoặc đã làm chủ-nhiệm, chủ bút trên 6 tháng.

b- Những đảm bảo cho quyền tự do thu thập tin tức.

- 1/ Báo chí có quyền giữ bí mật mọi nguồn tin tức (điều 22).
- 2/ Báo chí không thể bị truy tố khi tường thuật hay đăng tải trung thực và ngay tình.
 - Các cuộc thảo luận công khai tại diễn đàn Quốc-hội hay trong các Ủy-ban Quốc hội.
 - Các lời tuyên bố về quan-điểm chính-trị của dân biểu hay Nghị-sĩ.
 - Các bài tham luận, thuyết trình hay phúc trình đã được đọc trong các phiên họp công khai của Quốc-Hội, hoặc mọi văn kiện không có tính cách mật hay kín do Quốc-Hội chính thức phổ biến (điều 23)

3/ Báo chí không thể bị truy tố nếu trích dịch những tạp chí và nhật báo ngoại quốc đã được phép lưu hành tại Việt-Nam, miễn là trích dịch trung thực và ngay tình (điều 25).

c- Những đảm bảo cho quyền tự do diễn tả tư tưởng.

1/ Báo chí được tự do thông tin nghị-luận miễn là sự hành xử các quyền ấy không phương hại đến an-ninh quốc-gia hay thuần phong mỹ-tục (điều 21).

2/ Báo chí có quyền phê bình và chỉ trích chính sách kế-hoạch của chính-quyền (điều 24).

3/ Chế độ kiểm duyệt báo chí không được chấp nhận (điều 2).

d- Những đảm bảo cho quyền tự do phổ biến.

1/ Mọi thể nhân hay pháp nhân có quyền phát hành Báo-chí do chính mình xuất bản (đ. 36)

Muốn phát hành báo chí, chỉ cần thông báo 8 ngày trước cho Bộ Thông-Tin và Bộ Nội-Vụ :

- cơ sở phát hành
- danh sách nhân viên phụ-trách việc phát hành
- danh sách và địa chỉ các đại lý trên toàn quốc.

Muốn phát hành báo chí do người khác xuất bản phải ký quỹ 500.000\$ và phải thông báo cho Bộ Nội-Vụ và Thông-tin trước 15 ngày.

2/ Cấm chỉ và trừng phạt những người muốn báo và người cho mượn báo.

Tệ trạng này làm cho nhà báo thiệt thòi lớn và là một chướng ngại cho sự phát triển báo chí.

e- Những đảm bảo tổ tụng phi pháp.

1/ Sắc-luật 30-4-1964 cho phép Hành-Pháp có quyền đình bản báo chí một thời hạn hay vĩnh viễn. Báo chí bị đình bản không được quyền bào chữa. Theo điều 18, Luật Báo chí : "Báo chí không thể bị đình bản có thời hạn hay vĩnh viễn nếu không có quyết định của cơ quan Tư-Pháp.

Theo điều 48 : "Tòa án trong trường-hợp xác nhận tội trạng kể ở điều 27, 28, 29, có thể tuyên bố đóng cửa có thời hạn hoặc vĩnh viễn tờ báo phạm pháp".

Chỉ có 3 trường-hợp ấy, và sau khi xét xử của tòa án, với tất cả các bảo đảm thủ tục Tư-Pháp như quyền biện hộ, quyền chống án, quyền được xét xử công khai, Tòa án mới có quyền tuyên án đình bản vĩnh-viễn hay có thời hạn.

2/ Người muốn xuất-bản báo có quyền kiện trước Tham-Chánh-Viện xin hủy bỏ quyết định của Bộ Thông-Tin từ chối không cho xuất bản báo (điều 8)

Hơn nữa, nếu Bộ Thông-Tin không ra quyết định trong thời hạn một tháng kể từ ngày nộp đủ hồ-sơ khai báo và nhận được biên lai tạm của Bộ Thông-Tin, hồ-sơ khai báo đương nhiên coi như hợp lệ và người khai báo có quyền xuất bản báo.

III/- QUI CHẾ BÁO CHÍ ÁP DỤNG CHO AI ?

a- Các người hưởng quyền Tự-do Báo chí và chịu trách-nhiệm về những lạm dụng.

Người hưởng quyền là người mà qui chế Báo chí bảo đảm quyền Tự-do báo chí và phải chịu trách-nhiệm về sự vi-phạm quyền đó.

1/ Tác giả : Là những người sắp xếp sự kiện, đã viết ra hoặc đánh máy hoặc đọc để người chép lại bài đăng trên báo.

Cũng gọi là tác giả những người đã thuê viết để đăng trên báo và đã trao hay gửi tới nhà báo đăng tải.

2/ Chủ-nhiệm : Là người chủ-trương tờ báo, trách nhiệm về sự an-loạt tờ báo và ấn-hành.

Nếu chủ-nhiệm không phải là chủ báo thì chủ nhiệm cũng là người đại-diện cho chủ báo và có nhiệm vụ bảo toàn cho chủ báo.

Chủ-nhiệm điều hành tổng quát tờ báo, chọn chủ bút và các biên tập-viên, chịu trách-nhiệm trước chủ báo và Hội-Đồng quản-trị công-ty báo.

Chủ nhiệm hưởng quyền tự do báo chí và những bảo đảm của báo chí, phải chịu trách-nhiệm về sự vi-phạm do sự lợi dụng quyền Tự-do báo chí.

3/ Quản-ly : Trông coi công việc quản-trị tờ báo, tài chánh, chi thu, giao thiệp với nhà in, nhà phát hành và những trẻ em bán báo.

4/ Chủ-bút : Đứng đầu và điều khiển bộ biên-tập viên gồm Tổng Thư-ký tòa soạn, các biên tập viên, Thông-Tin viên, Phóng-Viên.

Chúng ta xét xem những người này có đủ quyền hành nghề tự do Báo-chí không ?

- Tổng thư ký tòa soạn : phụ trách chủ bút lo việc sắp xếp bài trên mặt báo, làm sao đặt "titre" cho bài báo hay lựa chọn các tin tức đã được đề nghị. Những tờ báo lớn thường đặt một biên tập viên chịu trách-nhiệm và một số biên tập viên phụ tá để giữ một mục báo như Chính-trị, Kinh tế, Quan-sự, Tài-Chánh. Ngoại-giao, Thuế khóa...

- Thông-tin viên và Phóng-viên là những người thu lượm tin-tức và phổ biến tin-tức cho tờ báo.

Nếu công việc trên không phải là nghề chính để sinh-sống, thì dù có cộng tác bất thường hay thường xuyên với tờ báo, thì người cộng tác vẫn không thể coi là thông tin viên.

Thông tin viên và phóng viên là những người thực sự làm công việc biên tập, dù không viết bài (như một vài trường-hợp một số tổng thư-ký tòa soạn) nhưng sắp xếp lựa titre là những công việc của Bộ biên tập.

Vậy tất cả những người ấy được hưởng quyền tự do Báo chí và chịu trách-nhiệm tuy họ không được luật nhắc đến.

- Các hãng thông tấn và bộ biên tập của các hãng này có nhiệm vụ thu lượm tin tức cho báo chí, được quyền hành nghề Tự-do Báo chí vì quyền này gồm cả quyền thu lượm tin tức và truyền bá tin tức.

- Các hãng thông tấn ngoại-quốc có được hoạt động tại một quốc-gia hay không ?

Luật pháp nhiều quốc-gia cho phép trên nguyên tắc hỗ tương.

- Một danh từ cần định nghĩa là KÝ GIẢ : Ký giả là những thông tin-viên, biên tập viên, Tổng thư ký tòa soạn, chủ bút làm việc thường xuyên cho 1 tờ báo được trả lương và nghề chính để sinh sống là nghề báo.

Các chủ nhiệm cũng được coi là ký giả nếu thực sự có tham gia công-việc biên tập và nghề chính là nghề báo.

b- Những người không được hưởng quyền Tự-do báo chí mặc dù có liên hệ trực tiếp hay gián tiếp trong tờ báo.

1/ Thợ sắp chữ hay người sửa lỗi, thợ in, thợ ký đánh máy, thợ ký hành-chánh, các thợ ban kềm... đều là những người được hành nghề báo chí nhưng không chịu trách nhiệm về những lạm quyền.

2/ Chủ nhà xuất bản, nhà in. Luật báo chí chỉ bó buộc báo chí phải ghi rõ tên họ, địa chỉ nhà in (đ. 11) và cấm không được đem báo ra khỏi nhà in để phát hành trước khi hết hạn 2 giờ sau khi đã nạp bản (nhật báo) và giờ (tạp san, báo định kỳ. Nếu vi phạm điều này, chủ nhà in bị phạt tù từ 6 ngày - 2 tháng và tiền từ 10.000đ đến 100.000đ hay 1 trong 2 hình phạt trên.

Khi chủ nhà in bị truy tố như một tông phạm một tội phạm báo chí, đương sự có quyền hưởng những sự bảo đảm của quyền Tự-do Báo-chí.

3/ Chủ báo nếu không phải là chủ nhiệm, có thể là một thể nhân hay một pháp nhân, công ty nặc danh, ký danh, hợp tác xã hoặc công ty vô danh...

Luật qui-chế báo chí không nói gì đến chủ báo trong trường-hợp có ra lệnh cho chủ nhiệm cũng chỉ là tông phạm theo quan niệm hình luật và về trách-nhiệm dân sự chủ báo phải hoàn toàn chịu trách-nhiệm.

4/ Các người đăng quảng-cáo, thông cáo có tính cách thương-mại thì không được hưởng quyền Tự-do Báo-chí.

5/ Các nhà sách, các sạp báo, các nhà phát hành được hưởng những bảo-đảm tự do thương mại, tự do kinh doanh, nhưng không được hưởng quyền tự do báo chí và không chịu trách-nhiệm.

c- Ngoại-kiểu có được quyền hưởng Tự-do Báo-chí không ?

Điều 12 Hiến-Pháp nói về quyền lợi và nhiệm vụ công dân ngoại-kiều ở Việt-Nam.

Ngoại kiều ở Việt-Nam không phải là công dân Việt Nam nên không được hưởng những quyền công dân và tất nhiên không làm những nhiệm vụ công dân.

Vì vậy, họ không được hưởng quyền Tự-do Báo-chí. Muốn ra báo, họ phải xin giấy phép ở Bộ Thông-Tin sau khi hội ý với Bộ Nội-Vụ (đ. 17).

IV/- NHỮNG GIỚI HẠN PHÁP LÝ CỦA QUYỀN TỰ DO BÁO CHÍ.

Lý do của những giới hạn này là để bảo vệ quyền lợi của Quốc-gia và của chế độ tam nhân.

a- Những giới-hạn nhằm bảo-vệ danh dự cá-nhân.

Sự hành sử quyền Tự-do Báo-chí không được làm phương-hại đến danh dự cá-nhân (điều 12 Hiến-Pháp, và điều 1, đoạn 1 của QCBC)

Làm giảm giá trị tinh thần của một người là phạm danh dự cá nhân của người đó - Danh dự là một ý-niệm có tính cách luân lý.

1/ Mạ-ly. Được coi là mạ ly mọi lời lẽ có tính cách lăng nhục, khinh bỉ hay sỉ vả.

2/ Tội phỉ báng : Nhiệm vụ của báo chí không phải là phổ biến đời tư của cá nhân nhằm thỏa mãn tính hiếu kỳ của độc giả.

Điều 30, đoạn 1, định nghĩa : "Được coi là phỉ báng mọi sự ám chỉ, tường thuật hay qui trách một hành vi, một sự kiện làm tổn thương danh dự hay hạ uy tín một cá nhân, một cơ quan hoặc một đoàn thể.

Điều 31 : "Tự dân chúng về tính cách xác thực các sự kiện bị coi là có tính cách phỉ báng phải được chấp nhận

Tuy nhiên sự dẫn chứng sẽ bị tuyệt đối cấm chỉ đối với :

- Sự kiện liên quan đến đời tư cá nhân.
- Sự kiện đã xảy ra từ 10 năm.
- Tội phạm đã được đại xá hay thời tiêu hoặc bản án xử phạt đã được thu tiêu bởi sự khôi phục công quyền hay tái thẩm...

Những ai được bảo vệ để chống lại sự mạ lỵ và phỉ báng của báo chí ?

- Mọi thể nhân, pháp nhân, người quá cố đều được bảo vệ - Riêng người quá cố chỉ được bảo vệ khi có dụng ý làm tổn thương danh dự và uy tín của người thừa kế, phối ngẫu hay người kế quyền tổng quát còn sống.

- Viên chức các cơ quan, các chức vụ dân cử hay những nhân viên tạm thời hay thường xuyên được giao phó công việc công cử hay dân cử về những hành động liên quan đến chức vụ hay nhiệm vụ của họ.

b- Những giới hạn nhằm bảo vệ an-ninh Quốc-Gia.

Lý do của những giới hạn này là sự cần thiết phải bảo vệ Quốc-gia xã-hội đối với những lạm dụng của Tự-do Báo chí - Sẽ nguy hại cho sự tồn tại của quốc-gia xã-hội nếu để tự do phổ biến những bài báo, xúi dục tội phạm làm phương hại đến tính mạng người dân, xúi dục đánh đổ chế độ bằng võ lực, xúi dục phạm tội phương-hại đến nền độc lập quốc-gia, trật tự công cộng, an-ninh quốc-phòng... Ấn định rõ những gì được phép và những gì bị cấm đoán trong các lãnh vực kể trên không phải là sự dễ dàng - Luật-pháp không thể trù liệu hết mọi chi-tiết và án-lệ sẽ cần thiết để làm sáng tỏ thêm.

1/ Bảo-vệ an-ninh quốc-gia, trật tự công cộng, kỷ luật quân-đội, đoàn kết dân tộc.

Luật Báo chí dùng từ ngữ "An-ninh Quốc-phòng" trong điều 1, đoạn 2 và từ ngữ "An-ninh Quốc-gia" trong điều 28, đoạn 1, có thể cho rằng an-ninh quốc-gia gồm an-ninh quốc-nội và an-ninh quốc ngoại

- Tội xúi dục : điều 27 Luật Báo-chí cấm không được dùng báo chí để xúi dục người khác phạm tội cố sát, cố ý gây đả thương, xâm phạm an-ninh quốc nội hay an-ninh quốc-ngoại, làm cho quân nhân bất tuân kỷ luật hoặc đề cao những tội phạm nêu trên.

Tội phương hại đến an-ninh quốc-gia, trật tự công công, kinh-tế tài-chánh, tội làm suy giảm kỷ luật Quân-đội, tội gây chia rẽ.

* Điều 28, không được dùng báo chí phổ biến những tin tức thất thiệt với dụng ý gây những tác dụng sau :

- Làm phương hại an-ninh quốc-gia
- Làm phương hại kinh-tế, tài-chánh quốc-gia.
- Làm suy giảm kỷ luật và tinh thần chiến đấu của quân-đội.
- Gây chia rẽ các tôn giáo, địa-phương, sắc dân.

Yếu tố quan trọng là yếu tố dụng ý, cố ý mà không có sự nghi vấn, nghi ngờ gì.

Nếu là 1 sự vô ý và ngay tình thì không có yếu tố cố ý phạm pháp. Khi tin tức có thật thì sự ngay tình phải coi là tất nhiên. Nếu trừng phạt cả sự phổ biến tin tức xác thực là trái ngược hẳn với nhiệm vụ của nhà báo, vì vậy, tòa án phải áp dụng điều 28 này với sự dè dặt tối đa.

2/ Bảo vệ thể chế.

Điều 29 cấm dùng báo chí phổ biến những tin tức, tài liệu luận điệu nhằm đề cao chủ nghĩa, chủ trương hay hành động của Cộng-sản, hoặc trung lập hoặc thân cộng.

Phạm vi điều này rộng rãi hơn điều 4 Hiến-Pháp vì đã cấm thêm sự phổ biến tin tức luận điệu nhằm đề cao trung lập, thân cộng.

c- Giới hạn nhằm bảo vệ thuần phong mỹ tục.

Điều 12 Hiến-Pháp đã qui định và luật 19/69 đã nhắc nhở lại ở điều 35. "Không được dùng báo chí để phổ biến những bài viết, những tranh ảnh, hình vẽ có tính cách xúc phạm đến thuần phong mỹ tục". Bảo vệ thuần phong mỹ tục có thể quan niệm một cách rộng hay hẹp : có người cho rằng đó là khai thác trên Báo chí những tội đại hình, những tội xấu xa. (nghĩa hẹp) hoặc là bảo vệ những phong tục tập quán tốt (nghĩa rộng).

Theo hình luật thì những tài-liệu như bài viết, tranh ảnh, hình vẽ có tính cách tục tĩu hay khiêu dâm là những tài-liệu xúc phạm đến thuần phong mỹ tục. In các tài liệu đó trên báo chí là vi phạm thuần phong mỹ tục.

d- Giới hạn nhằm bảo vệ công quyền.

Ngoài sự bảo vệ danh dự cá nhân của mọi người dân, Luật Báo-chí còn trừng phạt tội mạ lỵ và phỉ báng bằng báo chí 1 số cơ chế quốc-gia và một số chức vụ công quyền.

Điều 32 và 33 : "Không được dùng báo chí để mạ lỵ (32) và phỉ báng công khai (33).

- Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa và người thay quyền.
- Quốc-Trưởng, Đại-Sứ, Sứ Thần, Lãnh-Sự thuộc các Quốc-gia có liên hệ ngoại-giao với Việt-Nam Cộng-Hòa.
- Các cơ quan Hành-Pháp, Lập-Pháp và Tư-Pháp các cơ quan dân cử và các đoàn thể công-lập.
- Dân biểu và Nghị-sĩ Quốc-hội, nhân viên chánh-phủ, Tham-phán Tối-Cao-Pháp-Viện, viên chức thuộc các

cơ quan công quyền và công dân được tạm thời hay thường xuyên giao phó nhiệm vụ công cụ hay dân cử về những hành-động liên quan đến nhiệm vụ hay chức vụ của những người này.

- Các tư nhân không phân biệt thể nhân hay pháp nhân.
- Các người quá cố với dụng ý làm tổn thương danh dự, uy tín của các người thừa kế, phối ngẫu hay kế quyền tổng quát còn sống.

e- Những giới hạn nhằm bảo vệ sự giao hảo quốc-tế.

Muốn giữ sự giao hảo giữa các Quốc-gia, luật lệ Báo chí tuy không cấm sự chỉ trích, phê bình chính sách ngoại giao của các quốc-gia có liên hệ ngoại-giao với Việt-Nam Cộng Hòa, vì cấm đoán như vậy là vi-phạm trọng, Tự do Báo-chí làm dân Việt-Nam không biết rõ những vấn đề quốc-tế, nhất là những vấn đề có liên hệ đến quốc-gia. Nhưng muốn giữ tình giao hảo cần phải dung hòa...

Luật Báo chí Việt-Nam đã qui định (điều 32) cấm dùng Báo-chí để mạ lỵ và phỉ báng (đ. 33) Quốc-Trưởng, Đại-Sứ, Sứ-thần hay lãnh sự ngoại-quốc của những Quốc-gia có liên hệ ngoại-giao với Việt-Nam Cộng-Hòa.

f- Những giới hạn nhằm bảo vệ sự điều hành Tư-Pháp.

Báo chí không được công bố những bản cáo trạng, giấy tờ, thủ tục thuộc các vụ Hình trước khi các văn kiện này được công khai đọc trước các phiên tòa, trừ trường-hợp được Biện-ly cuộc yêu cầu bằng văn-thư.

Kể từ khi vụ kiện được tòa Hình thụ lý cho tới khi có phán quyết của Tòa, Báo chí không được đăng tải những tin tức và những bài bình luận có tác dụng ảnh hưởng đến sự suy xét vô tư của tòa án.

Báo chí không được tường thuật những cuộc tranh biện trước tòa vì những vụ kiện phỉ báng, mạ lỵ, truy tầm

phụ hệ, ly thân hay ly hôn hoặc những vụ kiện dân sự mà tòa án không ra lệnh công bố.

V/- NHỮNG BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT HÀNH-CHÁNH.

Các biện pháp này gồm có :

- Khai báo trước khi xuất bản
- Nộp bản trước khi phát hành.
- Báo phải ghi rõ danh tánh, giá bán, địa chỉ.

a- Khai báo trước khi xuất bản.

Điều 4, Qui chế báo chí có ghi rõ. Hồ-sơ khai báo gồm có :

1/ Một tờ khai lập thành 3 bản có chữ ký của chủ nhiệm được thi thực và ghi rõ.

- tên nhật báo hoặc tạp chí
- tôn chỉ, đường lối, chủ trương
- danh tánh, bút hiệu, địa chỉ của chủ nhiệm, chủ bút và quản lý.
- địa chỉ báo quán.

2/ Chứng chỉ cư trú của chủ nhiệm, chủ bút và quản lý

3/ Giấy khai sanh của chủ nhiệm, chủ bút và quản-ly

4/ Giấy tờ liên quan đến văn bằng hoặc thâm niên chức nghiệp về báo chí của chủ nhiệm và chủ bút.

5/ Trích lục tư pháp lý-lich số 2 không quá 3 tháng của chủ nhiệm, chủ bút và quản-ly.

6/ Bản sao kế ước hùn vốn để xuất bản tờ báo nếu có.

Mục đích của việc khai báo là để hiểu rõ những người chủ-trương tờ báo cũng là người sẽ chịu trách-nhiệm tờ báo vì nếu không có những điều chỉ dẫn cần thiết đó thì

khó lòng tìm được người chịu trách-nhiệm nếu sau này tờ báo vi phạm luật lệ vì có những trường-hợp báo xuất bản lậu, lấy tên giả, địa chỉ ma đã từng xảy ra.

Với biện pháp khai báo này không phải là biện-pháp xin giấy phép trả hình nghĩa là không được thi hành để gây khó khăn cho những người hội đủ điều kiện muốn xuất bản báo chí.

Điều 7 bố buộc Bộ Thông-Tin phải cấp biên nhận tạm thời ngay khi nhận được hồ-sơ khai báo. Và trong thời hạn một tháng kể từ ngày cấp biên nhận, Bộ Thông-Tin phải cấp biên lai chính thức.

Xuất bản báo chí mà không khai báo hợp lệ sẽ bị trừng phạt theo điều 45 của Luật Báo chí.

b- Nạp bản trước khi phát hành.

Điều 12 Qui chế Báo chí ấn-định. "Trước khi phát hành, mỗi tờ báo phải nạp :

- * Nếu xuất bản tại Saigon - Gia-Định
- 10 bản cho Bộ Thông-Tin
- 2 bản cho Biện-ly cuộc tòa Sơ-Thẩm
- 2 bản cho Bộ Nội-Vụ
- 2 bản cho Văn-khố Quốc-gia.

- * Nếu xuất bản ngoài Saigon - Gia-Định
- 2 bản cho Ty hay chi Thông-Tin.
- 2 bản cho Biện lý cuộc Tòa án sơ tại
- 2 bản cho Tòa Hành-Chánh Tỉnh hay Quận
- 2 bản cho Văn-khố Quốc-Gia.

Bản nạp phải có chữ ký và con dấu của chủ nhiệm hay quản-ly.

Điều 13, qui định rằng ; "Nhật báo chỉ được đem ra khỏi nhà in để phát hành 2 giờ sau khi đã nạp bản, với báo định kỳ thời hạn là 6 giờ".

Biện pháp này nhằm mục đích giúp cho nhà chức trách thi hành nhiệm vụ và nhằm mục đích bảo vệ quyền lợi công dân, hơn nữa còn có mục đích lưu giữ ấn loát phẩm cho các thế hệ mai sau.

c- Ghi danh tánh, địa chỉ và giá bán tờ báo.

Điều 11 Luật Báo chí bắt buộc, "Nhật báo tạp chí phải ghi rõ danh tánh chủ nhiệm, danh tánh và bút hiệu chủ bút, địa chỉ báo quán, tên và địa chỉ nhà in, giá bán lẻ và giá bán dài hạn.

VI/- NHỮNG BIỆN PHÁP CHẾ TÀI.

Lạm dụng quyền Tự do Báo chí, vượt quá các giới hạn luật định, vi phạm những cam đoan luật định, làm thiệt hại cho cá nhân hay quốc-gia xã-hội sẽ bị các chế tài mà chúng ta sẽ lần lượt đề cập đến.

a- Tội phạm Báo chí.

Tội phạm báo chí là những tội hình hay gọi là những tội biệt loại chửi rủa, mạ lỵ hàng xóm không thể so sánh với lời chửi rủa ấy trên báo chí, vì đăng trên báo chí, vì đăng trên báo chí là có tính cách công khai và được phổ biến rộng rãi.

Cũng là tội mạ lỵ, nhưng trong trường-hợp thứ nhất chỉ là hình phạt vi cảnh, còn trong trường-hợp thứ hai là 1 tội tiêu hình và bị phạt theo Luật Báo chí. Lý do có sự khác biệt này vì sự phổ biến rộng rãi của báo chí đã gây thiệt hại lớn.

Vì vậy, tội phạm báo chí phải được coi là những tội biệt loại.

Thí dụ : Xúi dục về các phạm tội trộm cướp, cố sát, cố ý đả thương, cố ý gây hỏa hoạn.

Trong trường-hợp thường, thì sự xúi dục ấy chỉ bị trừng phạt nếu người bị xúi dục đã phạm pháp.

Trái lại, nếu xúi dục bằng bài viết trên báo chí thì vẫn bị trừng phạt mặc dù người bị xúi dục không gây điều gì phạm pháp (điều 27). Vì vậy hình phạt áp dụng cho tội mạ lỵ và phỉ báng bằng báo chí do Luật Báo chí ấn-định nặng hơn là Bộ Hình-Luật và Luật 20-7-1981.

Tuy nhiên, trong nhiều trường-hợp, tội phạm báo chí có khi được xét xử nhẹ hơn.

Thí dụ. Tác giả bài báo chí ký bút hiệu, nếu bút hiệu không được biết rõ là đích danh của người nào thì bài báo ấy được coi như do tác giả vô danh, cũng như những bài báo không có ký bút hiệu của tác giả và trong trường-hợp này, tác giả sẽ ở ngoài sự truy tố xét xử : Nói như vậy không có nghĩa là tội phạm ấy không bị xét xử - Điều 50, Luật Báo-chí đã ấn-định rõ trách-nhiệm như sau : "Sẽ truy tố như chánh phạm theo thứ tự sau đây :

- 1- Chủ nhiệm hoặc quản-lý.
- 2- Chủ bút hoặc tác giả nếu không truy ra được các người kể trên.
- 3- Chủ nhà xuất bản, chủ nhà in, nếu không truy ra được các người kể trên.
- 4- Những người bán, phân phát báo nếu không truy ra được những người kể trên.

Các người bị tuyên phạt sẽ liên đới chịu trách nhiệm bồi thường về tinh thần và vật chất.

b- Tòa án có thẩm quyền xét xử tội phạm báo chí.

Theo điều 53, Tòa án có thẩm quyền là tòa án nơi xuất bản tờ báo, đó là tòa án Tiểu-hình tại các Tỉnh, Thị - Nơi xuất bản tờ báo thường cũng là nơi tòa báo được in.

Theo luật Hình-Sự Tố-tụng, Tòa án có thẩm quyền là Tòa án nơi phạm pháp.

Trong trường-hợp tội phạm Báo-chí, nơi phạm pháp là nơi tờ báo được bày bán trên toàn quốc.

Nếu áp dụng Luật Hình-Sự Tố-Tụng thì tất cả những tòa án trên toàn quốc đều có thẩm quyền, vì vậy điều 53 Luật Báo-Chí mới qui-định chỉ có Tòa Tiểu-Hình nơi xuất bản, chứ nếu không, sẽ gây khó khăn cho nhà báo và cả cơ quan Tư-Pháp.

c- Chế tài đối với tờ báo.

Có 2 loại chế tài : Tịch thu và đình bản.

1/ Sự tịch thu Báo-chí.

2 cơ quan có quyền tịch thu là Hành-pháp và Tư-Pháp.

- Hành-Pháp :

Điều 19 qui-định : "Để bảo vệ an-ninh quốc-gia trật tự công cộng và thuần phong mỹ tục, Tổng-Trưởng Nội-Vụ đối với báo-chí xuất bản tại Saigon - Gia-Định ; Thị-Trưởng, Tỉnh-Trưởng đối với báo chí xuất bản tại địa-phương liên hệ, có thể ra lệnh tịch thu nhật báo hay tạp chí, trước khi lưu hành hay trong khi lưu hành - Chậm nhất 8 ngày sau khi tịch thu, nhà chức trách phải khởi tố trước tòa án Hình-sự có thẩm quyền.

Trong khi chờ tòa án phán quyết, chủ nhiệm tờ báo bị tịch thu vẫn có quyền tiếp tục xuất bản.

Như vậy, chúng ta thấy quyền tịch thu Hành-Chánh chỉ là một quyền tạm thời vì theo điều 20 ! "Nếu được tòa án tha bổng, chủ nhiệm tờ báo bị tịch thu có quyền khởi tố ngay tại phiên tòa đó, phản đối và xin bồi thường thiệt hại. Bồi khoản phải tương xứng với số thiệt hại và do công quỹ gánh chịu."

- Tư-Pháp : Nếu tòa án xét xử, xác nhận có tội phạm báo chí, tòa án ngoài hình phạt tù, hoặc tiền phạt, sẽ truyền tịch thu hoặc tiêu hủy tất cả số báo bị xác nhận là vi phạm điều 27, 28, 29 và 32, 33 đoạn B.

Như vậy, sự tịch thu và tiêu hủy tư-pháp chỉ được sử dụng khi vi phạm vào những điều kể trên. Đó là một sự tịch thu luật định - Những trường-hợp mà nhà chức trách hành-chánh được quyền tịch thu rộng rãi hơn những trường-hợp tư pháp tịch thu.

2/ Đình bản.

Điều 1 và điều 18 đã bảo đảm cho báo chí khỏi bị nhà chức trách Hành-chánh đóng cửa như trước kia.

Nay theo điều 48 Luật Báo chí thì trong trường-hợp xác nhận tội phạm ghi ở điều 27, 28, 29, 32 đoạn b, 33 đoạn b, tòa án có thể truyền tịch thu hoặc tiêu hủy tất cả những số báo vi-phạm.

Như vậy, kể từ nay, chỉ có tòa án mới có quyền đình bản báo chí và chỉ khi nào báo chí vi phạm những điều luật trên.

Trong những trường-hợp vi phạm khác, tòa án không có quyền tuyên án đình bản mặc dù có Sắc-Luật bảo đảm của thủ tục tư-pháp. Sự đình bản là một chế tài trừng phạt những tội phạm đã gây ra trong quá khứ nhưng có hậu-quả vĩnh viễn trong tương lai, làm thiệt hại cho biết bao nhiêu người trong Bộ Biên-tập Ban Quản-Lý, ban Phát-hành, thợ nhà in, chỉ vì một vài người.

d- Chế tài hình sự.

Chế tài hình sự được ghi trong chương 6 Luật Báo-chí gồm có quyền đăng bản án phạt vạ, phạt tù.

1/ Quyền đăng bản án.

Trong trường-hợp tòa án xử phạt bị can về tội mạ lỵ, phỉ báng (ngoại trừ trường-hợp mạ lỵ, phỉ báng Quốc-Trưởng hay đại diện ngoại quốc), tòa án, nếu có lời yêu cầu của đương sự

nguyên cáo, truyền đăng toàn văn hay phần chủ văn bản án trên 3 tờ nhật báo được phép đăng bố cáo pháp đình. Các bị can liền đối chịu lệ phí của sự đăng tải này.

2/ Tiền phạt và tù phạt tù.

Điều 42 - 47 dự liệu những hình phạt như sau :

- Phạt vạ từ 5.000 đến 50.000\$ đối với vi phạm thể lệ nạp bản, tội cho mượn báo, tội đăng bản trả lời đình chánh không đúng thời hạn hay thể-thức.

- Tiền vạ từ 50.000\$ đến 100.000\$ và tù từ 6 ngày đến 2 tháng hoặc một trong hai hình phạt này đối với tội phạm gia dối, ngụy tạo giấy tờ khai báo trước khi xuất bản, tội phát hành trước thời hạn luật định, tội không ký quỹ mà phát hành báo của người khác, tội mạ lý cơ quan và chức vụ dân cử, cơ quan và viên chức công quyền, tội từ chối không đăng bản trả lời hoặc đình chánh.

- Tiền vạ từ 50.000\$ đến 300.000\$ và tù từ 15 ngày đến 3 tháng, hoặc một trong hai hình phạt này đối với tội mạ lý Quốc-Trưởng và đại diện ngoại-quốc, tội phỉ báng những chức vụ dân cử, viên chức công quyền, tư nhân, người quá cố, tội công bố cáo trạng, đăng các vụ kiện, phỉ báng, mạ lý, ly thân, ly hôn, tội xúc phạm thuần phong mỹ tục.

- Tiền vạ từ 100.000\$ đến 500.000\$ và tù từ 1 đến 5 tháng hoặc một trong hai hình phạt này đối với tội phạm xuất bản báo chí không khai báo hợp lệ, tội ngoại kiều xuất bản chưa có giấy phép, tội xúi dục dự liệu ở điều 27, tội mạ-lý Tổng-Thống, Phó Tổng-Thống hay người thay quyền, tội phỉ báng Quốc-Trưởng và đại-diện ngoại-giao.

- Tiền vạ từ 200.000\$ đến 1.000.000\$ và tù từ 3 tháng đến 1 năm hoặc một trong 2 hình phạt trên đối với tội phạm dùng báo chí gây phương-hại dự liệu ở điều 28 và tội phỉ báng Tổng-Thống, Phó Tổng-Thống hay người thay quyền.

- Tiền và tù từ 300.000 đến 1.500.000 và tù từ 1 đến 5 năm nếu phạm tội phổ biến bằng báo chí tin tức, luận điệu đả cao chủ nghĩa Cộng-Sản, Trung-lập thân Cộng dự liệu ở điều 29.

e- Quyền trả lời và đính chính.

Bên cạnh sự bồi thường dân sự theo luật thường và những chế tài hình sự theo qui chế báo chí, điều 26 còn cho phép người bị nêu đích danh một cách không thể làm lẫn với người khác trong bài báo, có quyền buộc chủ nhiệm phải đăng miễn phí bài trả lời hay bài đính chính của mình trên báo đó.

Chủ nhiệm tờ nhật báo phải đăng trên 1 trong 3 tờ báo phát hành sớm nhất kể từ ngày nhận bài đính chính đó. Riêng đối với tạp chí, phải đăng trên 1 trong 2 số báo sớm nhất kể từ ngày nhận được bài trả lời hay bài đính chính. Bài trả lời và bài đính chính phải được đăng nguyên văn, cùng cột, cùng cỡ chữ, cùng trang đã đăng bài trước, nhưng không được dài quá 2 lần bài trước tính theo số chữ.

Luật 29-7-1881 phân biệt quyền đính chính và quyền trả lời. Quyền đính chính là quyền của nhà chức trách bắt buộc nhà báo phải đăng bài đính chính nếu tờ báo đã tường thuật sai công việc hoặc hành vi của họ. Quyền trả lời là quyền của mọi người bị nêu tên trong tờ báo.

Luật 29-7-1881 còn ấn-định thời gian là 1 năm và tờ báo có quyền từ chối đăng bài trả lời nếu bài trả lời ấy vi phạm thuần phong mỹ tục, phương hại đến quyền lợi để tam nhân hay danh dự của ký giả.

Luật Báo chí 19/69 qui định quá sơ sài về quyền trả lời và đính chính. Để bổ khuyết các tòa án phải áp dụng những điều luật của luật 29-7-1881 không trái với điều 26 của Luật Báo chí.

*

* *

Tự do Báo-chí đã được Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa chấp nhận. Luật qui chế Báo-chí đã được soạn thảo trên nguyên tắc ấy, tuy có nhiều khuyết điểm nhưng cũng là một tiến bộ lớn so với chế độ báo chí trước kia.

Nhưng hoàn cảnh chậm tiến và chiến tranh của đất nước, nhưng trình độ nhà báo, độc giả, cũng như sự lo ngại rụt rè và tác phong của nhà cầm quyền chưa cho chúng ta một nền tự do báo chí thực sự, giống như thực trạng báo chí tại Âu Mỹ... Chúng ta sẽ tìm hiểu và phân tích những ưu và khuyết điểm của qui chế Báo chí cũng như nhận xét về thực trạng áp dụng trong đoạn II dưới đây.

*

* *

ĐOẠN II. - THỰC TRẠNG VIỆC ÁP DỤNG LUẬT 19/69 HAY LÀ QUYỀN TỰ DO BÁO CHÍ BỊ XÂM PHẠM.

Luật Báo chí ra đời đến nay đã gần tròn 3 tuổi. Trong khoảng thời gian ấy, chánh quyền đã hành xử luật lệ ấy ra sao, có gặp trở ngại gì không? Về phía báo giới, họ có chống đối không và nếu có thì sự chống đối ấy chánh đáng không? Tất cả những câu hỏi ấy sẽ được chúng ta đề cập đến qua các điều dưới đây.

I/- Áp dụng các thủ tục báo chí.

II/- Chế tài các vi phạm.

Cũng cần nói thêm, sau mỗi phần trình bày trên sẽ kèm theo những nhận xét.

*

* *

Luật Báo chí - như chúng ta đã biết - thể hiện được một phần nào quyền Tự-do Báo-chí mà quần chúng đã khao

khát và mong mỏi từ lâu, nhưng khi đem luật ra áp dụng trong thực tế tại cả 2 bên - chính quyền và báo giới - đều gặp những khó khăn khó có thể vượt qua và do đó quyền tự do báo chí nói chung đã một phần nào bị hạn chế, tạo môi trường thuận tiện cho sự chỉ trích của phe báo giới cũng như của phe đối lập trên diễn đàn quốc-hội - Chúng ta sẽ bắt đầu bằng :

I/- ÁP DỤNG CÁC THỦ TỤC BÁO CHÍ.

Hai bộ Thông-Tin và Nội-Vụ đã trực tiếp chịu trách nhiệm về việc thi hành luật này. Nhưng 2 bộ đó đã chu toàn trách vụ ra sao ?

a- Nạp bản.

Trên lý thuyết, qua điều 12 Hiến-Pháp và điều 2 của Luật 19/69, chế độ kiểm duyệt được minh thị hủy bỏ. Nhưng trên thực tế, tệ trạng này không kèn, không trống đã tái xuất hiện lại dưới danh nghĩa "Lời khuyến cáo của chính quyền" đối với báo chí.

Sự khuyến cáo này thường được Bộ Thông-Tin và Bộ Nội-Vụ thực hiện qua những phương tiện bán chính-thức trước khi nạp bản và phát hành và kết quả là có những khoảng bôi đen đục trắng trên mặt báo.

Bị chỉ trích sự kiện này, Bộ Thông-Tin thường đưa ra lý lẽ là họ chỉ thông báo, lưu ý nhà báo vì nhà báo Việt Nam không đủ phương tiện để phối kiểm tin tức cho chính xác.

Về phía báo giới, họ rất bất mãn và cho rằng chính Hành-Pháp đã cố ý xâm phạm quyền Tự do ngôn luận bằng cách tạo áp lực tiền kiểm qua các lời khuyến cáo.

Sự kiện này là một điều bất lợi không những cho báo chí mà còn cho cả chính quyền nữa vì dù có biện minh bằng những hình thức nào, khi nhìn các khoản bôi đen đục trắng trên mặt báo, độc giả đều nhận định được bóng dáng

"bà già kiểm duyệt" xuất hiện đâu đây, do chính quyền thực hiện.!

Với quyền tự do Báo chí được xác nhận, thì sự kiểm duyệt dưới hình thức nào cũng không thể tồn tại được.

Nếu báo chí đã quyết tâm đăng một bài báo nào đó hoặc một loại tin tức nào xét ra có hại cho tập thể hay cá nhân thì họ phải chịu trách-nhiệm hoàn toàn theo luật định, vì chính luật đã qui-định rõ ràng những hạn chế mà báo chí phải tránh kia mà ! Chứ nếu chính quyền mà "khuyến cáo" thì không khỏi mang tiếng là bóp nghẹt tiếng nói của báo chí !

Riêng đối với công luận ngoại quốc, chế độ kiểm duyệt còn tạo ra tình trạng tồi tệ hơn. Chính quyền không thể nào biện minh hoặc giải thích rõ ràng về các khoản bôi đen, đục trắng trên các trang báo... Và như vậy họ sẽ phán xét thế nào về tình trạng trưởng thành của báo chí nước nhà ?

Theo ý chúng tôi, chính quyền không nên thực hiện những khuyến cáo, vì nếu tờ báo nào vi phạm luật lệ họ sẽ bị chế tài. Chính quyền dù kiểm duyệt, họ vẫn có thể tiếp tục vi phạm nữa, hơn nữa sự kiểm duyệt trả hình đó tạo nhiều bất lợi cho chính quyền... Đó là chưa kể trường-hợp sự khuyến cáo sẽ trở nên vô hiệu khi báo chí có gian ý, ấn hành 2 ấn-bản : Ấn-bản thứ nhất được nạp bản có sẵn các khoản bôi đen, đục trắng theo sự khuyến cáo của chính quyền. Còn ấn-bản thứ hai thì không có khoản đục trắng bôi đen được đem bán trong công chúng. Như vậy cả chính-quyền lẫn báo chí đều vi-luật do sự kiện một bên kiểm soát, một bên né tránh sự kiểm soát...

b- Hồ-sơ khai báo.

Muốn một tờ báo được lưu hành hợp lệ thì người chủ báo phải lập hồ-sơ khai báo với bộ Thông-Tin.

Trong hồ-sơ khai báo, chính-quyền buộc những kẻ đứng tên phải nộp một bản tư-pháp lý-lịch số 2. Điều này tỏ

ra khất khe và vô lý vì vi phạm vào quyền tự do của người dân, hay đúng hơn là đời tư của người ra báo.

Hơn nữa, quyết định từ chối cấp biên lai của Bộ Thông-Tin thường dựa vào lý do "hành vi nhằm mục đích tuyên truyền hay thực hiện chủ nghĩa Cộng-Sản" căn cứ trên báo cáo mật, phúc trình kín của cơ quan an-ninh - Tệ hại hơn nữa, có nhiều trường-hợp mà bộ Thông-Tin không cấp phải lai nhưng cũng không đưa ra quyết định từ chối có viện dẫn lý do. Hậu quả là kẻ xin ra báo không biết hồ-sơ của mình có được chấp nhận hay không - Chính vì điểm này mà người ta nghi ngờ là có sự tham nhùng trong việc cấp phát biên lai xin báo tại Bộ Thông-Tin.

Song song với tệ trạng này, hiện nay có nhiều tờ báo mà chủ nhiệm, chủ bút là những nghị sĩ, dân biểu được hưởng quyền đặc miễn tài phán, điều này hiển nhiên đã vi-phạm tinh thần của điều luật qui-định về năng, cách của chủ nhiệm, chủ bút, mà hiện nay vẫn chưa có sự điều chỉnh nào được thực-hiện, thí dụ như Nhật báo Công-Luận của Nghị-sĩ Tôn-Thất-Đỉnh, báo Dân-Tộc của một nhóm dân biểu trẻ...

c- Chế độ phát hành.

Theo luật định, báo chí chỉ được phát hành 2 giờ sau khi đã nạp bản : theo bộ Thông-Tin thì thời khóa biểu cho các nhật báo là từ 16 giờ đến 18 giờ. Như vậy các báo nào có thể ra sớm nhất cũng chỉ phát hành vào khoảng 18 giờ. Nhưng trên thực tế thì vào khoảng 17 giờ là nhiều nhật báo đã được bày bán nhan nhản trên các đường phố tại Đô-Thành. Sự xé rào luật lệ bắt nguồn từ lý do thương mại" (báo ra sớm mới bán chạy) và phần khác là tránh né sự tịch thu báo. Đối với tệ trạng này của báo giới, Bộ Thông-Tin chỉ đưa ra các khuyến cáo suông, chứ chưa dùng biện pháp cứng rắn nào để bài trừ.

d- Chế độ bông giấy.

Sau đây chúng ta không thể nào quên đề cập đến một vấn đề thực tại, cụ thể, hệ trọng đến nỗi có tính cách quyết định sự sống còn của tờ báo, và điều này đã vượt ra ngoài sự dự-liệu của luật 19/69, đó là chế độ cấp phát bông giấy với giá miễn thuế cho các báo hay gọi tắt là chế độ bông giấy.

Trong thời kỳ kinh-tế Việt-nam gặp nhiều sự khó khăn, Chánh-Phủ ban hành luật thuế kiềm ước (Taxe d'austérité) cùng với sự leo thang của vật giá, giấy báo bông nhảy vọt lên rất cao khiến báo giới Việt-Nam gặp nhiều khó khăn.

Để bảo vệ quyền lợi nghề-nghiệp của mình, làng báo Việt-Nam đã thực-hiện một cuộc tranh đấu nhất trí, qui mô và rộng rãi với mục đích là được mua giấy in báo miễn thuế... Và kết quả cuộc đấu tranh này là Nghị định số 120 ngày 3-10-1970 của Bộ Kinh-Tế theo đó làng báo sẽ được phép mua với giá miễn thuế số lượng 10.000 tấn giấy báo mỗi năm. Hội-Đồng báo chí hồi đó đã định tiêu chuẩn như sau :

- 65% cho Nhật báo
- 18% cho báo định kỳ.
- 17% cho báo ngoại ngữ.

Mỗi báo sẽ tùy theo số ấn hành của mình mà hưởng tỷ phần (quota) tương xứng.

Chế độ giấy báo miễn thuế còn gọi là chế độ bông trắng theo đó giá một ram giấy là 430\$. Ngoài ra, còn có chế độ bông xanh hay là chế độ giá chính thức 830\$/ram, tờ báo được mua theo sự giới thiệu, đề nghị của Nha Báo-Chí để đáp ứng nhu cầu tăng gia số giấy in báo, ngoài số lượng tỷ phần đã ấn-định.

Trên nguyên tắc, Hội-Đồng báo chí sẽ thực hiện việc phân phối giấy báo này, nhưng trên thực tế, do Bộ Thông-Tin (Phòng Hành-Chánh Báo-chí, Nha Báo-chí) tạm thời đảm trách.

Tại đây, việc ấn-định tỷ-phần cho mỗi báo sẽ căn cứ theo :

- Hóa đơn in báo.
- Nội dung tờ báo để định lượng số phát hành.
- Thăm dò giới báo chí để tìm hiểu xác thật khả năng phát hành của tờ báo.

Ngoài ra, Nha Báo chí còn được quyền chuyên quyết tăng hay giảm tỷ phần này theo lời yêu cầu và sự minh chứng của tòa báo muốn có thêm giấy in báo.

Tương cần chúng ta phải biết thêm rằng, hiện thời (1972) thì chế độ này đã được bãi bỏ vì trong khi ban hành cuộc Cách-Mạng Kinh-tế Mùa-thu 1971, Bộ Kinh-Tế đã bãi bỏ việc miễn thuế giấy in báo, làm cho làng báo tranh đấu kịch liệt với 3 ngày đình công toàn diện, nhưng rút cục thì cũng phải chịu thua chính phủ và phải thi hành biện pháp tăng giá bán báo để bù trừ vào số tiền giấy in báo không được miễn thuế.

Trở lại vấn đề chế độ cấp phát bông giấy trước năm 1972, thì chúng ta nhận thấy, do sự tình cờ xuất phát từ tình hình Kinh-tế, vượt khỏi sự dự liệu của các nhà làm luật 19/69, Hành-Pháp đã mặc nhiên có thêm một phương tiện thật hữu hiệu để chi phối báo giới và ít nhiều đã vi-phạm vào quyền tự do của giới này.

Chúng ta nhận định rằng, mỗi tòa báo vì quyền lợi riêng đều cố gắng mua đủ hoặc dư số giấy báo theo giá miễn thuế hoặc theo giá chánh thức để tránh phải mua giá chợ đen quá cao. Muốn thế, báo phải cố gây thiện cảm và phục tòng Nha Báo-Chí, nhất là đối với Ông Giám-Đốc Nha này, người nắm quyền chuyên đoán việc ấn-định tăng hay giảm tỷ phần, hoặc giới thiệu báo được mua giấy với giá chánh thức. Sự tai hại và xâm phạm quyền tự do Báo-chí sẽ phát xuất từ mối tương quan này là một sự kiện hiển nhiên không ai chối cãi được.

Sau nữa, chính chế độ bông trắng, bông xanh nói trên không những gây lũng đoạn nội bộ, chia rẽ quyền lợi trong làng báo, mà còn tạo cơ hội tốt cho bọn con buôn bất chánh nhảy vào làng báo, sao tìm được một số lượng giấy đáng kể để đem bán chợ đen để hưởng lợi, chứ vấn đề làm báo đúng đắn, nghiêm-chính, có lương tâm nào được chúng quan-tâm đến. Chính bọn này là "chiên ghê" của làng báo Việt-Nam, chỉ có đầu óc nô lệ, nịnh nọt Hành-Pháp và cam tâm bán rẻ ngòi bút và lương tâm để trục lợi riêng thì sao còn nói đến thế nào là "quyền Tự-do Báo-chí", thế nào là "đệ tứ quyền"...v.v...

II/- CHẾ TÀI CÁC VI PHẠM LUẬT 19/69.

Trong sự thi hành chế tài các vi phạm luật 19/69 có 3 cơ quan hữu trách là 3 Bộ : Thông-Tin, Nội-Vụ và Tư-Pháp. Nhiệm vụ của mỗi cơ quan tùy từng giai đoạn hoặc theo hình thức liên bộ, hay theo thể thức phân nhiệm.

Sau đây chúng ta sẽ xét xem trong nhiệm vụ chế tài báo chí, các cơ quan trên hành động thế nào, có vi phạm đến quyền tự do báo chí không ?

a- Tịch thu.

Nói đến khuyết điểm thực tiễn của việc áp dụng luật 0-9-69 ta không thể nào bỏ qua các trường-hợp tịch thu đầy lỗi lầm đã và đang xảy ra.

Để có rất nhiều vụ tịch thu báo chí bừa bãi bất công, dựa trên các quyết định vô đoán, bất nhất mà hậu quả là chế độ ngôn-luận, tự do báo chí bị xâm phạm một cách trắng trợn.

Các điều 19, 21, 23, 24, 25, 27, 28, 29, 35 đã tỏ ra thiếu chặt chẽ, chính xác khi diễn tả và qui định các lý do luật định, tiêu chuẩn pháp lý cho việc tịch thu. Và sự tịch thu lại tỏ ra làm lỗi, bất công, nhất là đối với sự áp dụng điều luật 35 về tuân phong mỹ tục : có những bài báo

đăng những lời lẽ dâm ô, tục tĩu trắng trợn mà không bị trừng phạt (Truyện Cậu Chó đăng trên báo Trắng Đen) còn có những bài báo chỉ dùng những danh từ kín đáo thì lại bị tịch thu.

Trong việc áp dụng điều 27, 28, 29... cũng thế, Báo chí có khi đăng tải những sự kiện có thật trong thực tế thì bị tịch thu, giả sử như trường-hợp báo đăng tin máy bay oanh-kích các ngư-phủ ở Kiên-giang, bị gán là loan tin thất thiệt làm phương hại đến an-ninh quốc-gia và trật tự công cộng...

Cả đến các trường-hợp báo chí đăng nguyên văn nội dung lời tuyên bố của các nghị-sĩ, dân biểu tại nghị-trường cũng bị Bộ Nội-Vụ tịch thu. Thí dụ điển hình nhất là lời tuyên bố của Dân-Biểu Ngô-Công-Đức cổ vũ thành lập Chính-Phủ liên hiệp lâm thời, hoặc lời tuyên bố của nghị-sĩ Nguyễn-văn-Chức liên quan đến khả năng của chế độ Tổng-Thống Nguyễn-văn-Thiệu.

Sau đến là các bài báo trích dịch trung thực và nguyên tình của các tờ báo được phép lưu hành tại Việt-Nam như Newsweek, Daily Telegraph, Paris Match cũng bị kiểm duyệt và tịch thu.

Tịch thu báo chí vừa bãi chẳng những gây thiệt hại cho báo giới và độc giả, mà còn gây bất lợi cho nhà cầm-quyền trong phạm vi thông-tin quốc-nội và quốc-ngoại. Người ngoại quốc đến Việt-Nam sẽ nghĩ thế nào khi nhìn những tờ báo loang lỗ đen trắng trên sạp báo hay nhìn cảnh một toán cảnh sát phong tỏa một tòa soạn để ôm từng chồng báo chất lên xe? Phải chăng chính quyền đã áp dụng chế độ Cảnh-sát trị đối với báo giới?

Nhất là đối với các dân biểu, nghị sĩ, thật không gì đau xót hơn khi họ đã làm luật với chủ ý để báo giới được quyền tự do ngôn luận, được quyền chỉ trích những công việc làm của cơ quan Hành-Pháp... thì nay, khi thi hành luật, mọi

việc đã đi ngược lại ý nguyện thiết tha của họ... cả đến báo chí cũng không được đăng tải ngay tình những lời tuyên bố của họ nữa...

Số lượng báo chí bị tịch thu càng ngày càng có chiều hướng gia tăng, nhất là khi trong nước có những biến cố trọng đại. Điển hình nhất là kể từ ngày chiến sự tháng tư bùng nổ, quân Công-Sản Bắc-Việt đem quân sang xâm lăng miền Nam thì chỉ kể trong tuần từ 10-4 đến 15-4 có tất cả 38 nhật báo bị tịch thu, trung bình 6 tờ mỗi ngày, trong lúc đó, thì ở thời gian trước đó trung bình mỗi tháng chỉ có 50 tờ. Nếu tình trạng này không được cải thiện, tòa án sẽ tràn đầy hồ-sơ tố tụng về báo chí và chính quyền hiện hữu sẽ bị dư luận phê phán nghiêm khắc về các vụ án báo chí.

b Truy tố.

Điều 19 Luật 19/69 có khoản : "Chậm nhất là 8 ngày sau khi tịch thu, các nhà chức trách đã ra lệnh tịch thu phải khởi tố trước tòa án hình sự có thẩm quyền. Như vậy mục đích của nhà lập pháp muốn dành cho Tư-pháp phán quyết xem tờ báo bị tịch thu có phạm luật không, mặt khác khiến cho Hành-Pháp phải thận trọng khi áp dụng biện pháp vừa kể vì nếu truy tố mà tòa án thả bổng thì có thể ngay tại phiên tòa ấy, tờ báo đương tụng có quyền phản tố đòi bồi thường với sự thiệt hại (điều 20 luật 19/69).

Nguyên tắc đã qui-định thế nhưng phần thực hành thì khác hẳn lại. Vì báo bị tịch thu quá nhiều lẽ dĩ nhiên, tại Pháp-đình sẽ bị tràn ngập hồ-sơ báo chí khiến cơ quan Tư-Pháp không sao thi hành tròn nhiệm vụ vì các lý do : Nhân viên ít, các tụng phương thường không thi hành thủ tục, hồ sơ đầy đủ, hoặc còn phải xử các vụ khác cấp bách hơn... cho nên đã làm trì trệ các vụ án báo chí, hoặc có khi vì lý do riêng tư nào đó, có báo bị cơ quan Hành-Pháp tịch thu mà không làm thủ tục truy tố trước tòa án có thẩm quyền. Điều này là vi-luật. Mặt khác, các biện pháp chế tài các vụ vi phạm báo chí đã quá cứng rắn, Luật 19/69 dự trừ phạt tối đa

CHƯƠNG III

Quyền tự do báo chí qua sắc luật 007/SLU ngày 4-8-1972

Ngày 29-3-1972. Cộng-sản Bắc-Việt đã ngang nhiên xua quân tràn qua vĩ tuyến 17, xâm lăng trắng trợn Việt-Nam Cộng-Hòa bất kể hiệp định Genève.

Trước tình hình nguy ngập ấy, Quốc-Hội đã đồng thành ủy quyền cho Tổng-Thống được tự do quyết-định trong 4 lãnh vực An-ninh - Quốc-Phòng - Kinh-tế - Tài-Chánh trong thời gian 6 tháng.

Trong phạm vi đạo luật ủy quyền này, Tổng-Thống đã ban hành Sắc-luật 005 ngày 25-7-1972, ấn-định các biện pháp thi hành trong tình trạng thiết quân-luật, và trong 7 điều của Sắc-luật đó, có khoản 4-E của điều 4 liên hệ đến báo chí "Báo chí sẽ bị xét xử bởi tòa án Mặt-trận nếu vi phạm điều 24 và 25 Luật ngày 29-7-1881 các điều 27, 28, 29 với những hình phạt tương đương dự liệu nơi các điều 45, 46, 47, 48 và 49 luật số 19/69 ngày 30-12-1969".

Và cũng trong phạm vi Luật Ủy-quyền, ngày 4-8-72, Tổng-Thống cũng ban hành Sắc-luật 007/TT/SL sửa đổi lại một số điều khoản của Luật 19/69 ngày 30-12-1969 - Sắc-luật này gồm 4 điều khoản :

- điều 1 : Sửa đổi một số điều khoản của luật 19/69
- điều 2 : qui định tình trạng hiện tại của báo chí đối với Sắc-luật.
- điều 3 : Qui-định biện pháp và thể thức chế tài cho báo chí trong suốt thời gian ban bố tình trạng chiến-tranh.

- Điều 4 : Nguyên tắc bất câu phát hình phạt không được áp-dụng cho ngân hình đối với tội phạm báo chí.

Chúng ta sẽ phân tích Sắc-luật đó để tìm hiểu rõ ràng hơn :

Đoạn I : Nội dung Sắc-luật 007.

Đoạn II : Nhận xét và phê bình.

*

* *

ĐOẠN I.- NỘI DUNG SẮC LUẬT 007.

Nhìn toàn diện Sắc-luật 007, ta thấy có 4 điều khoản riêng biệt, mỗi điều ấn-dịnh một phạm vi khác nhau, ta có thể xét 4 điều đó qua 4 tiểu đoạn sau đây :

1/ Sửa đổi các điều khoản của Luật 19/69.

Sắc-luật 007 đã qui định nơi điều 1 sự sửa đổi nội dung các điều 4, 7, 12, 13, 15, 19, 20, 23, 25, 27, 31, 36, 37, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 49, 52, của Luật 19/69.

a- Về hồ-sơ khai báo.

So sánh điều 4 (cũ) và điều 4 (mới) ta thấy có các điều khác biệt sau đây về hồ-sơ khai báo xin xuất bản báo chí :

- ghi thêm tên họ và địa-chỉ của nhà in, nếu in tại nhiều nhà in khác nhau, phải khai rõ tên, họ, địa chỉ của tất cả các nhà in.
- bãi bỏ bản sao khế ước hùn vốn để xuất bản, thay vào đó phải có một biên nhận đóng tiền ký quỹ tại

Tổng Nha Ngân-Kho trong một trường mục có lời :

- * đối với nhật báo : 20 triệu
- * đối với tạp chí định kỳ : 10 triệu
- * báo chính đảng được hợp thức hóa : giảm 1/2
- * tạp chí định kỳ có tính cách nghiên cứu thuần túy về giáo-dục, tôn giáo, khoa học, kỹ-thuật : được miễn hẳn.

Trường-mục này do chủ nhiệm hoặc chủ bút, hoặc quản lý đứng tên danh để bảo đảm việc thanh toán các ngân hình án phí và tiền bồi thường thiệt hại cho các dân sự nguyên cáo định trong các bản án tuyên xử liên quan đến những vi-phạm các điều khoản của luật này. Tuy nhiên không được sử dụng trường mục này để đóng tiền ký quỹ tại Phòng Lục-Sự vì việc thượng tế nói ở điều 52 (mới).

- Tạp thêm văn-kiện chứng minh xuất xứ số vốn kê cả số tiền ký quỹ - Mọi sự man khai sẽ bị trừng trị theo điều 43 (mới) ngoài ra còn bị truy tố về các tội trạng khác nếu có. Về việc cấp giấy phép xuất bản, bộ Thông-Tin phải cấp biên lai chính thức trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày cấp biên lai tạm thời (điều 7 mới) trong lúc ở điều 7 (cũ), thời hạn này chỉ có 1 tháng.

b- Về sự phát hành.

Ngoài việc nạp bản và ấn-định rõ số lượng và nơi nạp trong điều 12 (cũ), điều 12 (mới) còn qui-định thêm : "Cùng với việc nạp bản, báo chí phải khai rõ số lượng phát hành với bộ Thông-Tin hay Ty Thông-Tin... Không nạp bản, không khai báo, hoặc khai man số lượng phát hành sẽ bị chế tài theo điều 42 (mới) của Sắc-luật này.

Điều 13 (mới) qui-định nhật báo đem ra phát hành sau 6 giờ và tạp chí 24 giờ sau khi nạp bản, trong lúc điều 13 (cũ) đối với nhật báo chỉ có 2 giờ và tạp chí 6 giờ.

Nếu vi phạm, sẽ bị lập biên bản và tịch thu tang vật, cùng với các phương tiện chuyên chở nếu có.

Theo điều 15 (mới), trước khi xuất bản 15 ngày, chủ nhiệm tờ báo phải khai đầy đủ danh sách Ban Quản-Lý và bộ Biên-tập... như được qui-định tại điều 40 của Luật này cho Bộ Thông-Tin và Bộ Nội-Vụ có ghi rõ tên họ, bút hiệu, ngày và nơi sanh, trú quán, nghề nghiệp, số ngày và nơi cấp phát căn cước. Mọi sự thay đổi chủ bút, quản-ly, nhà in, báo quán, số vốn phải thông báo cho Bộ Thông-Tin chậm nhất 15 ngày trước ngày có sự thay đổi.

c- Về chế tài hành-chánh.

So sánh với điều 19 (mới) và điều 19 (cũ), ta thấy có vài sự khác biệt :

1/ Báo chí vi-phạm điều 32, đoạn a, b, c, điều 33, đoạn a, b, c của luật này, sẽ bị nhà chức trách ra lệnh tịch thu, bao gồm cả việc tịch thu các bản kẽm, khuôn đúc, khuôn chì, dùng để in số báo bị tịch thu.

2/ Công-Tổ-Viện bắt buộc phải phát động công tố quyền khi có lệnh truy tố của nhà chức trách Hành-chánh.

3/ Nếu sau một lần bị tịch thu vì lý do an-ninh Quốc gia hay trật tự công cộng, nhật báo hay tạp chí định kỳ còn bị tịch thu lần nữa cũng vì lý do này, thì Tổng-Trưởng Nội Vụ, trái với điều 1 đoạn 3 và điều 18 luật này, có thể trong khi chờ đợi phán quyết của tòa, tạm thời đình chỉ nhật báo hay tạp chí nói trên, miễn là lần tịch thu trước đã có truy tố nhưng chưa có án chung thẩm.

4/ Nhà chức trách Hành-chánh sở tại sẽ đóng cửa trong 2 tháng nhà in báo nếu :

- Công khai hoặc lén lút đem báo ra khỏi cơ sở án loạt trước giờ phát hành.

- Tiếp tục in thêm, cắt dấu, tàng trữ hoặc đưa ra khỏi cơ sở ẩn lốt những số báo đã bị tịch thu. Cũng sẽ bị tịch thu các phương tiện chuyên chở dùng phân phối các số báo đã có lệnh tịch thu.

Điều 20 (mới) cũng giống như điều 20 (cũ) : Báo chí được tòa án tha bổng có thể truy tố ngay tại phiên tòa ấy phần tố xin bồi thường tương xứng, sự thiệt hại sẽ do công quỹ gánh chịu.

Tuy nhiên, những số báo đã bị tịch thu sẽ không được hoàn lại.

d- Về quyền hạn và trách vụ Báo-chí.

* Điều 23 (mới) đặt ra nhiều giới hạn cho báo chí hơn điều 23 (cũ) : "Báo chí không thể bị truy tố khi tường thuật hay đăng tải trung thực và ngay tình, miễn là không phương hại đến danh dự cá nhân, an-ninh Quốc-gia và thuần phong mỹ tục về :

- Các cuộc thảo luận công khai tại Quốc-Hội hay tại các Ủy-Ban
- Các lời tuyên bố về quan điểm chính trị của Dân Biểu hay Nghị-sĩ.
- Các bài tham luận, thuyết trình... đọc trong mọi phiên họp công khai của Quốc-Hội, hoặc mọi vấn đề không có tính cách mật hay kín do Quốc-Hội chính thức phổ biến.

* Điều 25 (mới) liên quan đến việc báo chí có quyền trích dịch ngay tình và trung thực báo chí ngoại quốc, nhưng không được phương hại đến danh dự cá nhân, an ninh Quốc-Gia và thuần phong mỹ tục.

* Điều 27 (mới) : không được dùng Báo chí để :

1/ Kín dục người khác xâm phạm đến nền an-ninh quốc nội và quốc-ngoại, hoặc bất cứ trọng tội hay khinh tội nào khác.

2/ Xúi giục quân nhân bất tuân kỷ-luật.

2/ Đề cao các tội phạm nói trên.

Riêng các tội phạm nói ở điều 1 và 2 trên đây, mặc dù không đưa đến kết quả xảy ra tội phạm cũng bị coi như tội phạm đã thành tựu và sẽ bị trừng phạt chiếu theo những điều khoản của luật này.

Điều 31 (mới) so với điều 31 (cũ) có thêm 2 đoạn mới về sự cấm chỉ dẫn chứng đối với :

- 1/ Trường-hợp phỉ báng Tổng-Thống, Phó Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa.
- 2/ Trường-hợp phỉ báng Quốc-Trưởng, Đại-sứ các quốc gia bạn có liên quan ngoại-giao với Việt-Nam Cộng Hòa.

ngoài các trường-hợp qui-định trong điều 31 (cũ) như :

- Sự kiện liên quan đến đời tư cá nhân.
- Sự kiện đã xảy ra từ 10 năm.
- Tội phạm đã được đại xá hay thời tiêu.

e- Về sự phát hành Báo chí.

* Điều 36 (mới) qui định 2 thể thức phát hành Báo chí.

- Tự phát hành báo do chính mình xuất bản.
- Phát hành báo do người khác xuất bản hoặc phát hành nhiều hơn một tờ báo dưới hình thức tổ hợp.

* Điều 37 (mới) : so với điều 37 (cũ) thì khi phát hành báo chí cần ký quỹ 500.000đ, điều 37 (mới) ấn-định rõ thể thức cùng thủ tục khai báo cho mỗi thể thức phát hành Báo-chí.

A.- PHÁT HÀNH BÁO DO CHÍNH MÌNH XUẤT BẢN.

15 ngày trước ngày hoạt động (luật cũ 8 ngày) chủ nhiệm phải nộp hồ-sơ khai báo tại Bộ Nội-vụ gồm :

- 1/ 1 tờ khai lập thành 2 bản có chữ ký được thị thực của chủ nhiệm.
- 2/ Danh sách ghi tên tuổi, địa chỉ, căn cước của nhân viên phát hành.
- 3/ Danh sách ghi rõ tên tuổi, địa chỉ, căn cước các đại diện phát hành và các đại lý tại các Đô, Tỉnh, Thị.
- 4/ Biên nhận đóng tiền ký quỹ tại Tổng-Nha Ngân-Kho trong một trường mục có lời.
 - Nhật báo : 5 triệu
 - Tạp chí : 2 triệu rưỡi.
- 5/ Văn kiện chứng minh xuất xứ vốn kể cả tiền ký quỹ.

B.- PHÁT HÀNH BÁO CỦA NGƯỜI KHÁC.

Phải có giấy phép của Bộ Nội-Vụ Hồ-sơ xin phép cũng tương tự như trường-hợp trên nhưng về tiền ký quỹ, số bạc phải là 50 triệu đồng.

Trong cả 2 trường-hợp, cơ sở phát hành trung ương và các đại lý tại các Đô, Tỉnh, Thị đều phải lập một quyển sổ, có danh số trang và được nhà chức trách Hành-Chánh kiểm nhận để ghi số lượng báo đã được phân phối tại địa-phương trong ngày.

f- Về chế tài hình sự.

Được sửa đổi lại trong các điều : 42, 43, 44, 45, 47, 49.

* Nếu vi phạm các điều 11, 12 (mới), 14, 15 (mới), 38

- Cũ từ 5.000đ đến 50.000đ
- Mới từ 10.000đ đến 100.000đ

* Nếu vi phạm các điều 4 (mới), 13 (mới) 16, 32 đoạn c, d, e, g điều 36 (mới) và 37 (mới).

- Cũ → tiền 10.000 - 100.000đ
tù 6 ngày - 2 tháng.
- Mới → tiền 100.000 - 1 triệu.
tù 1 tháng - 1 năm.

* Nếu vi phạm các điều 32 đoạn b, 33 đoạn 1 c, d, e, g, đ. 34 và 35.

- Cũ → Tiền : 50.000 - 300.000đ
Tù : 15 ngày - 3 tháng
- Mới → Tiền 200.000 - 2 triệu
Tù 2 tháng - 2 năm.

* Nếu vi phạm các điều 3, 17, 27 mới, 32 a và 33b :

- Cũ = Tiền : 100 ngày - 500 ngàn đồng
Tù : 1 tháng - 6 tháng
- Mới = Tiền : 500 ngàn - 5 triệu
Tù : 6 tháng - 3 năm

* Nếu vi phạm các điều 28 và 33 đoạn a.

- Cũ Tiền 200.000 - 1 triệu
Tù 3 tháng - 1 năm
- Mới → Tiền 1 triệu - 5 triệu
Tù 1 năm - 3 năm

* Nếu vi phạm điều 29.

- Cũ → Tiền : 300.000 - 1.500.000đ
Tù 1 năm - 5 năm
- Mới → Tiền : 1 triệu - 5 triệu
Tù 2 năm - 5 năm.

Về thủ tục truy tố, ngoại trừ trường-hợp qui-định nơi điều 3 Sắc-luật này, việc xét xử các vi-phạm luật lệ báo chí sẽ thuộc thẩm quyền của tòa Thượng tụng, và công tố viện có một thời hạn 30 ngày để thu lý vụ án.

2/ Giải quyết tình trạng các báo hiện đang hoạt động.

Điều 2 Sắc-luật 007 ấn định các báo có 1 thời hạn là 30 ngày, kể từ ngày ban hành Sắc-luật này để điều chỉnh tình trạng pháp-lý đúng như điều 4 (mới). Quá hạn này, các báo không hội đủ các điều kiện trên sẽ coi như tự ý đình bản.

Đối với các cơ sở phát hành, thời hạn trên được ấn định là 30 ngày, kể từ ngày ban hành Sắc-luật này để điều chỉnh tình trạng pháp lý đúng như điều 4 (mới). Quá hạn này, các báo không hội đủ các điều kiện trên sẽ coi như tự ý đình bản.

Đối với các cơ sở phát hành, thời hạn trên được ấn định là 60 ngày và nếu quá hạn mà vẫn không khai báo và vẫn hoạt động thì sẽ bị chế tài theo điều 45 của Sắc-luật này.

3/ Tình trạng báo chí trong thời gian chiến tranh.

Trong thời kỳ chiến tranh, hình phạt sẽ gia tăng.

- Vi phạm điều 27 (mới) 28, 29 Luật 19/69 sẽ bị phạt cấm cô và phạt từ 1 triệu đồng đến 5 triệu đồng.
- Việc xét xử này sẽ thuộc thẩm quyền Tòa án Quân-sự mặt trận nơi xuất bản tờ báo.

Tuy nhiên, Tòa án thường tụng vẫn tiếp tục thu lý như thường lệ nếu nhà chức trách quân sự không dành quyền truy tố trước tòa án Quân-sự Mặt trận.

Đặc biệt nơi điều 4 của Sắc-luật này có qui-định một nguyên tắc đặc biệt : Đó là nguyên tắc bất câu hình phạt không được áp dụng cho ngân-hình tuyên phạt các vi phạm Luật 19/69 và các điều khoản sửa đổi bởi Sắc-luật này.

ĐOẠN II.- NHẬN XÉT VÀ PHÊ BÌNH.

Theo như ta đã nhận xét đoạn trên, Luật 19/69 đã có nhiều sơ hở, nên không "cai trị" làng báo một cách thật công minh và hữu hiệu.

Không công minh vì các tội danh báo chí chỉ được qui định một cách đại cương, và trong việc áp dụng, không có một văn-kiện nào để ấn-định những tiêu chuẩn rõ ràng về các tội danh, do đó mọi trường-hợp phạm-pháp đều do sự suy diễn của giới chức.

Không hữu hiệu, bởi vì các biện pháp chế tài cũng rất mơ hồ và việc áp dụng cũng rất lỏng lẻo.

Tội danh không qui-định rõ ràng, các biện pháp chế tài lại mơ hồ, việc áp-dụng lại lỏng lẻo, lơ tự nhiên, có những cây bút trở nên phóng tung quá đà, đạo đức nghề nghiệp không còn được tôn trọng, làng báo đã đi vào trong cảnh hỗn loạn. Và nạn nhân đầu tiên là người làm báo muốn làm báo một cách đứng đắn.

Sắc-luật 007 là phản đối tình trạng báo chí hỗn loạn đó. Nhưng đó chỉ mới là phản ứng một mặt : Một biện pháp chế tài Luật mới đã gia tăng gấp bội các hình phạt : về tù tăng lên đến cấm cố, về tiền lên tới 5 triệu. Nhưng còn về tội danh thì phần lớn cũng giống y như luật cũ, nghĩa là được qui-định một cách rất đại cương tùy theo cách suy diễn của giới chức. Như vậy Sắc-luật 007 đã trở thành quá hữu hiệu, nhưng vẫn còn thiếu công minh.

Có 3 điểm khó khăn lớn nhất cho làng báo hiện nay :

1/ Việc giải thích luật : Rất lơ mơ co giãn, không có những tiêu chuẩn để ấn-định rõ ràng các tội danh. Đặc biệt là về các điều 28 và 29, đến nỗi đăng lại lời tuyên bố của một tướng lãnh trong một buổi phỏng vấn công khai cũng phạm tội "Vi phạm an ninh quốc-gia". Nhiều tờ báo chỉ đăng lại tin Việt Tân-Xã cũng "vi phạm an-ninh quốc-gia" và "làm lợi cho Cộng sản" trong khi chính cơ quan thông tấn xã đã ấn-hành, tàng trữ và phát mại bản tin ấy lại không bị chế tài.

Lại ở điều 23 và 25 mới, việc đăng lại trung thực và ngay tình các lời tuyên bố của các Nghị-sĩ hay dân biểu, tường thuật các buổi họp công khai của Quốc-Hội, hoặc các bài báo ngoại quốc, vẫn có thể "xâm phạm đến an-ninh quốc-gia, danh dự cá nhân thuần phong mỹ tục" thì quả là vô lý, Báo chí phải chọn lọc lại các lời tuyên bố của các vị đại diện dân và chỉ đăng tải sơ sài những câu vô thưởng vô phạt, thì làm sao nhân dân có thể theo dõi được những hoạt động của các vị dân cử... Kết quả của các điều luật này là từ khi luật 007 ra đời đến nay, trên mặt hầu hết các báo chí ở Thủ-đô, người ta không còn đọc những mục "Ý-kiến" "quan điểm" hoặc trích đăng các lời tuyên bố của các đại diện dân cử nữa, mà báo nào cũng thường có một câu thông "... tiếc rằng luật báo chí với những chế tài mới không cho phép chúng tôi đăng tải tin này, khi không biết chắc rằng sự kiện xảy ra có đúng là phạm tội không" (Báo Chính-Luận ngày 2-9-1972 với Mục Nhóm "Dân-Biểu Quốc-Gia : tố cáo một vụ những lạm lớn).

2/ Vấn đề đóng cửa báo :

Luật mới định rằng (điều 19) Tổng-Trưởng Nội-Vụ có quyền tạm thời đóng cửa một tờ báo một khi tờ báo này bị tịch thu lần thứ hai về tội vi-phạm an-ninh quốc-gia và trật tự công-cộng, mặc dù lần tịch thu trước chưa bị tòa xử là có tội.

Gạt tiết mọi vấn đề pháp lý ra ngoài và chỉ đứng trên khía cạnh thực tế, một tờ báo đăng tin Việt-Tân Xã mà đã có thể bị ghép tội "vi phạm an-ninh Quốc-Gia" và chỉ cần 2 lần như vậy là có thể bị đóng cửa - Nếu áp dụng một cách máy móc điều 19 trên đây thì, thực không có một tờ báo nào sẽ không bị đe dọa đóng cửa.

3/ Vấn đề ký quỹ : Luật mới định rằng mỗi báo phải đóng tiền ký quỹ 20 triệu cho nhật báo, 10 triệu cho tuần báo. Đối với các báo đã xuất bản, thời hạn nộp tiền ký quỹ, cùng các giấy tờ hồ-sơ khác là một tháng. Đến 3-9-1972 nếu chưa đóng tiền ký quỹ thì coi như đóng cửa vĩnh-viễn. Tiền ký quỹ nộp vào 1 trương mục có lời, nhưng lời bao nhiêu thì sắc-luật không nói.

Số tiền ký quỹ quá cao, thời gian quá ngắn, đối với các tờ báo tư nhân, không có một sự yểm trợ của một đoàn thể hay một cơ quan nào, đó là cả một vấn đề. Và nếu mức lãi được ấn-định quá thấp so với mức lãi mà tòa báo phải vay, thì "vô hình trung" tờ báo phải đều đều chịu một khoản phí tổn vô danh lên đến hàng nửa triệu mỗi tháng.

Đó là những điều khó khăn rất lớn cho bất cứ tờ báo nào muốn hành nghề một cách đứng đắn.

Chúng tôi mong rằng, nếu mục đích của chính quyền là xây dựng một nền báo chí dân chủ có một tinh thần trách nhiệm thì rồi đây sẽ có một nghị-định để qui-định việc áp dụng Luật 007 một cách rõ ràng hơn. Thiếu một nghị-định như vậy, thì báo chí sẽ ở trong một tình trạng vô cùng bất ổn và biết đâu trong một ngày gần đây, không còn một báo nào xuất bản.

Trên đây chúng ta đã nêu lên một vài khó khăn về việc áp-dụng Sắc-luật 007, tuy nhiên, nếu xét kỹ, chúng ta vẫn thấy Sắc-luật ấy cũng có những ưu-điểm sau đây :

1/ Các nguyên tắc căn bản về quyền tự do ngôn luận và báo-chí, xuất bản được ấn-định trong điều 12 Hiến-Pháp vẫn được tôn trọng. Điều này có nghĩa là chúng ta vẫn áp dụng chế độ khai báo đối với việc xuất bản báo chí không phải chế độ xin phép. Hơn nữa, chế độ kiểm duyệt cũng không được chấp nhận, mặc dù hiện tại, Quốc-Gia đang trong tình trạng chiến-tranh và thiết quân luật.

2/ Nhằm mục đích bảo vệ trật tự công cộng, an-ninh Quốc-Gia, và quyền lợi của tư nhân, những điều khoản sau đây được minh định trong Sắc-luật mới :

a- Báo chí và các cơ sở phát hành phải đóng tiền ký quỹ để bảo đảm việc thanh toán các ngân-hình, án phí và tiền bồi thường thiệt hại cho dân sự nguyên cáo.

b- Nhật báo hay tạp chí nào sau một lần bị tịch thu vì lý do an-ninh Quốc-Gia hay trật tự công cộng còn bị tịch thu một lần thứ hai cũng vì lý do này thì Tổng-Trưởng Nội-vụ có quyền tạm thời đình bản. Tuy nhiên vẫn phải tôn trọng phán quyết cuối cùng của tòa án là cơ quan duy nhất có thẩm quyền quyết-định tối hậu. Hơn nữa, nếu được tòa án tha bổng, chủ nhiệm nhật báo hay tạp chí bị truy tố có thể ngay tại phiên Tòa ấy phản tố đòi bồi thường thiệt hại.

c- An toàn cá nhân được bảo đảm - Điều này nhằm mục đích duy trì trật tự xã-hội : tư nhân nào bị báo chí phỉ báng và mạ lỵ, ngoài quyền yêu cầu tòa truyền đăng bản án trên 3 nhật báo mà lệ phí do các bị can phải liên đới chịu, còn có quyền thỉnh cầu tòa buộc bị can phải bồi thường thiệt hại xứng đáng bằng tiền chứ không phải chỉ được bồi thường tượng trưng bằng một đồng danh dự và có quyền được lấy tiền thẳng trong số tiền ký quỹ tại Tổng-Nha Ngân-Khố nếu bị can không chịu thi hành án văn.

d- Nhằm mục đích ngăn chặn sự lạm dụng thủ tục thượng tố để duy trì việc nộp phạt, báo chí bị tuyên phạt phải đóng tiền ký quỹ tương đương với số tiền bị phạt mới được quyền thượng tố.

e- Nhằm mục đích ngăn chặn sự coi thường pháp luật, nguyên tắc bắt cầu phát ngân hình được áp-dụng đối với báo chí vi luật.

f- Sau cùng để bảo vệ quyền lợi tư nhân và của Quốc-gia, việc xét xử các vi-phạm của báo chí phải được hoàn tất trong thời hạn 30 ngày tại mỗi cấp tài phán.

Trên đây là những điều khái quát của Sắc luật 007, trên phương diện lý-thuyết, còn về khía cạnh thực tế thì hiện tại còn quá sớm để chúng ta có những nhận xét chính xác, vì khi chúng tôi hoàn tất luận văn này thì thời hạn 30 ngày để cho các báo điều chỉnh tình trạng của mình được Chánh-Phủ gia hạn thêm 12 ngày nữa, vì vậy, chúng tôi không có những thống kê về số báo nào còn, số báo nào chết, cũng như chưa

- 65 -

được chứng kiến sự áp dụng Sắc-luật 007 về phương-diện thực hành.

☆

☆ ☆

Qua các nhận xét trên, chúng ta đã thấy rõ thực trạng phũ phàng của quyền Tự-do Báo-chí.

Xét kỹ, chúng ta thấy có nhiều nguyên nhân đã đưa đến tình trạng đó, đại khái như :

- Hoàn cảnh của đất nước trong giai đoạn chiến-tranh
- Sự thiếu tôn trọng nền dân chủ của chính quyền.
- Trình độ chậm tiến của báo giới.
- Sự thiếu sót ý thức của dư-luận quần chúng...

Ngàn ấy lý do đã khiến cho nền báo chí Việt-Nam không thể nào theo kịp với đà tiến bộ của các báo chí Âu-Mỹ.

Vì vậy, phần II của đề tài luận-văn này sẽ cố gắng vạch một hướng đi cho báo giới trong niềm tin tưởng rằng, sẽ cải thiện được phần nào tình trạng hiện tại và xây dựng được một tương lai sáng lạng và hoàn hảo hơn.

☆

☆ ☆

PHẦN II

KIỆN TOÀN NỀN TỰ DO BÁO CHÍ Ở VIỆT NAM

Hầu hết các quốc-gia chậm tiến trên thế giới đều hạn chế quyền tự do thông-tin báo chí, nhưng riêng tại Việt Nam Cộng-Hòa, chúng ta rất hạnh-diện khi quyền này được Hiến Pháp công nhận và đã có một đạo-luật qui-định hẳn hoi. Nhưng tiếc thay, trong thực tế, việc thi-hành không được đúng đắn, chánh quyền đã áp dụng những biện-pháp nghiêm-khắc nhằm hạn chế quyền tự-do mà Luật-pháp đã đặt ra. Thí dụ như biện-pháp cấp phát bông giấy mà không kể đến số lượng tiêu thụ để bóp chết báo đối lập và nâng đỡ báo thân chính quyền...

Nhằm mục đích tiến tới việc kiện toàn nội dung qui chế báo chí và đồng thời nêu lên những điều-kiện và những yếu tố thuận lợi để xây dựng một nền tự do báo-chí thực sự, trong khung cảnh một quốc-gia chậm tiến, ta phải nghĩ đến 2 vấn đề cấp bách sau đây :

- Về khía cạnh lý-thuyết : luật lệ đòi hỏi sự tu chính Luật 19/69 về QCBC.
- Về khía cạnh thực tại, phát sinh nhu cầu tạo khung cảnh có đầy đủ yếu tố thuận lợi để thực hiện quyền tự do ngôn-luận, tự do báo chí thực sự. Do đó, phần II này sẽ chia làm 2 chương :

Chương I : Sự tu chính luật 19/69

Chương II : Điều kiện phải có của một nền Tự-do Báo chí thực sự.

★

★ ★

CHƯƠNG I

Sự tu chính luật 19/69 về quy chế báo chí

Luật 19/69 ngày 30-12-1969 ra đời đã đáp ứng được phần nào lòng mong muốn và khao khát quyền tự do báo chí của mọi tầng lớp dân chúng, sau bao năm dài sinh-hoạt hạn chế qua những đạo luật lỗi thời và phản dân chủ.

Tuy nhiên, qua sự phân tích và phê bình ở phần trên, chúng ta nhận thấy luật này còn có nhiều sơ hở và thiếu sót. Vì vậy, muốn cho luật được đầy đủ và thích ứng với hiện trạng, chúng ta thấy cần phải sửa đổi, điều chỉnh một số điều khoản, và nên hủy bỏ một số điều khoản khác có tính cách phi dân chủ, phản tiến bộ... Như vậy chúng ta sẽ có một bộ luật báo chí đầy đủ và tiến bộ.

Một điểm kỹ thuật quan-trọng mà ta cần phải lưu ý là sự tu chính này đòi hỏi một sự tham-khảo ý kiến sâu rộng nơi các người có thẩm quyền liên-hệ cũng như những nhà báo kinh-nghiệm và chân-thành yêu nghề.

Sự tu chính Luật 19/69 liên quan đến các điều khoản về :

- Chế độ tự do ngôn-luận.
- Chế độ xuất bản và phát hành.
- Tổ chức làng báo Việt-Nam và ấn-định qui-chế ký giá.

★

★ ★

ĐOẠN I. - SỰ TỰ CHÍNH CHẾ ĐỘ TỰ DO NGÔN LUẬN.

Theo sự nhận xét của chúng ta, luật Báo-chí quả đã có nhiều điểm tiến bộ về quyền tự do ngôn luận so với chế độ Báo chí trước kia. Nhưng nếu xét kỹ thì chúng ta vẫn thấy có nhiều khuyết điểm và những khuyết điểm đó đã có tác động là chúng ta chưa có một nền tự do báo chí thực sự như tại các quốc-gia Âu-Mỹ.

Trước hết, phạm vi áp dụng của luật Báo chí còn bị hạn chế : Luật chỉ áp dụng đối với nhật báo và báo chí định kỳ. Đó là một thiếu sót trầm trọng : sách và những báo chí không định kỳ vẫn còn bị chi phối dưới chế độ giấy phép và chế độ kiểm duyệt.

Tại sao chính-quyền lại tỏ ra ưu đãi 2 loại kia và khắc-khe với sách và báo chí không định kỳ? Mặc dù tác động văn-nghệ và tâm lý của chúng vẫn giống nhau? Chính vì điểm này mà luật báo-chí bị chỉ trích rất nhiều. Chúng ta thấy chính-quyền cần tu chỉnh điều luật này để đáp ứng nguyện vọng chính đáng của giới làm văn-nghệ nước nhà.

Đối với nhật báo và tạp chí định kỳ, chế độ nộp bản 6 hay 24 giờ trước khi phát hành, quyền tịch thu tạm cũng như quyền đóng cửa của nhà chức trách hành chánh... Đó là những biện-pháp ngăn ngừa không có bảo đảm của thủ tục tư pháp, mặc dù điều 21 ghi rõ : "Báo chí được tự do thông tin và nghị-luận miễn là sự hành sử các quyền này không phương hại đến danh dự cá nhân, an-ninh quốc-gia hay thuần phong mỹ tục".

Chế độ nộp bản - Như trên ta đã trình bày - là một sự kiểm duyệt trá hình - vô tình đã làm cho luật báo chí mất đi phần nào giá trị của nó.

Báo chí Việt-Nam đã trưởng-thành, họ ý thức được việc họ làm và họ sẽ chịu trách-nhiệm về việc làm của họ. Hơn nữa luật cũng đã dự liệu những trừng phạt nặng nề đối với các vi-phạm. Như thế chế độ nộp bản không có lý do gì tồn tại cả.

Còn đối với việc tịch thu, nếu chính quyền thấy cần phải duy trì thì thiết tưởng luật nên qui-định rõ rệt các trường-hợp đích thực, bằng những tiêu chuẩn minh-bạch. Đồng thời luật cũng ấn-định các biện-pháp chế-tài đối với sự lạm dụng quyền tịch-thu của Hành-Pháp.

Báo chí có quyền tự do thông-tin, quyền tự do tìm kiếm thu-lượm tin-tức bất kể nguồn gốc xuất xứ đã bị hạn chế trong trường-hợp nguồn gốc xuất xứ tin tức do báo chí ngoại quốc cung cấp, vì theo điều 25 : "Báo chí chỉ có quyền trích dịch ngay tình tạp chí và nhật báo ngoại-quốc được phép lưu hành ở Việt-Nam. Thiết tưởng, Luật Báo chí cần được tu chỉnh bằng cách hủy bỏ đoạn "... được phép lưu hành ở Việt Nam".

Hơn nữa, tờ báo cũng không có đầy đủ quyền tự do thông tin cho độc giả những tin tức, chủ nghĩa, hành động Cộng-Sản hay trung-lập thân Cộng có thể bị coi như đã phổ biến và tuyên truyền cho Cộng-Sản.

Tại sao chính-quyền không để cho Báo chí tự do khai thác những tin tức bên kia bức màn sắt, cũng như nghiên cứu chủ nghĩa Cộng-sản để nêu lên trên mặt báo bộ mặt thực của chế độ vô sản cho dân chúng biết rõ, và nhờ đây họ sẽ xa lánh và ghê tởm chế độ đó, nếu quả thực chính nghĩa Quốc-Gia là lý-tưởng và tốt đẹp ?.

Hơn nữa, Luật cần minh-định rõ rệt hơn phạm vi áp dụng và định-nghĩa chính-xác các tiêu chuẩn, lý do luật định qua các điều 21, 23, 24, 25, 27, 28, 29, và 35 liên-quan tới việc qui-định tội danh và thực-hiện chế tài tương xứng.

Luật cũng cần minh-định thêm các điều sơ hở qua điều 27.

- Tội xúi dục các tội phạm ngoài sự ấn-định tại điều này.
- Phân biệt rõ ràng tội đại hình và tội tiểu hình báo chí.

Luật 19/69 - Về chế độ tự do ngôn-luận đã có những thiếu sót nêu trên làm cho luật đã mất phần nào giá trị của nó và là đề tài chỉ trích của báo giới trước cũng như sau khi luật được ban hành...

Ước mong sao các nhà lập pháp cũng như cơ quan Hành Pháp sớm nhận thức được các khuyết điểm này và sẽ tu chỉnh lại luật 19/69 trong một ngày gần đây để cho Việt-Nam sớm có một đạo luật toàn hảo về báo chí...

★

★ ★

ĐOẠN II.- SỰ TU CHỈNH CHẾ ĐỘ XUẤT BẢN VÀ PHÁT-HÀNH.

Song song với sự tu chỉnh về chế độ ngôn-luận, Luật Báo chí cần được tu-chỉnh vì chế độ xuất bản và phát hành vì đây tùy thuộc về phương diện hình-thức nhưng nó đã làm cản trở không ít cho sự thành hình quyền Tự-do Báo-chí.

Trước hết vấn đề khai báo để xuất bản : Tuy luật dùng danh từ "khai báo" để xin xuất bản một tờ báo nhưng trên thực-tế không khác gì "chế độ giấy phép" của thời kỳ trước khi Luật 19/69 ra đời, thì quyền tự do báo chí vẫn còn bị hạn chế nhiều.

Thiết tưởng chính-quyền không nên áp dụng hình thức này mà để cho bất kỳ ai nếu có đủ một số điều kiện tối thiểu nào đó đã ấn-định trước thì được quyền xuất bản báo mà chỉ cần thông báo trước cho Bộ Thông-Tin mà thôi.

Về việc ấn-định số lượng báo được phép xuất bản cũng cần qui-định lại rõ ràng để tránh những người có tiền tài thế lực "nắm" báo chí bằng cách ra nhiều tờ báo làm lũng đoạn hàng ngũ báo giới chân chính để phục vụ cho một mục tiêu chính-trị hay tài chánh đơn tối nào đó !.

-Lại nữa, vì thời cuộc, một số dân biểu và Nghị-sĩ nhảy ra làm báo, hoặc là báo đối lập, hoặc là báo thân chính-quyền, mục đích là nhờ báo chí để củng cố lập trường của mình ở diễn đàn quốc-hội - Trường-hợp này thiếu sót ở Luật 19/69 và cần thêm vào "... chủ nhiệm, chủ bút là các nghị-sĩ, dân biểu được hưởng quyền đặc miễn tài phán".

ĐOẠN III.- TỔ CHỨC LÀNG BÁO - QUI CHẾ KÝ GIẢ.

Trong luật 19/69 có qui định hẳn hoi một chương (chương V) về Hội-Đồng Báo chí, ấn-định rõ ràng nhiệm vụ và thành phần của cơ quan này.

Tuy nhiên, khi đem ứng dụng cho thực tế thì đã thất bại nặng nề (triệu tập của Bộ Thông-Tin tại khách-sạn Hoàn-Mỹ ngày 22-3-1970...).

Lý do của sự thất bại này là do điều luật ấn-định quá sơ sài về Hội-Đồng Báo-Chí như thành phần tham dự đại hội Báo-chí, nhiệm vụ căn bản của Hội Đồng... Vì vậy điều cần phải làm trước tiên là chánh quyền nên tu chỉnh lại Chương V, ấn-định lại tỉ mỉ rõ ràng và chi tiết hơn các điều khoản trên... với sự tín nhiệm của báo giới.

Việc khẩn thiết hiện nay là chính quyền phải vận động một cách chính đáng để cho các Hội-đoàn và các đại diện báo chí tham gia việc hình thành Hội-Đồng Báo-chí để áp dụng kỷ-luật nội-bộ, công tác thiết-thực với nhà cầm quyền giải quyết thỏa đáng các khó khăn hiện tại.

Một thiếu sót trầm trọng của Luật 19/69 là không ấn-định qui chế ký giả - một thành-phần nhân sự quan trọng và nòng cốt cho báo chí - là một điều không thể tha thứ được - Chương V chỉ định nghĩa sơ sài về ký giả (điều 40) mà không ấn-định rõ điều kiện hành nghề, quyền lợi và nhiệm vụ của họ, Sắc-luật 007 vẫn bỏ qua điều này....

Vì vậy, trong việc tu chỉnh Luật 19/69, án-định thêm "Quy chế ký giả" là một điều tối cần thiết.

Quy chế ký giả này sẽ gồm những luật lệ liên quan đến việc thiết-lập và thẩm quyền của tổ chức nghề-nghiệp ký giả. Quy chế ký giả còn gồm các luật-lệ do các tổ chức nói trên đề-nghị hoặc soạn thảo để án-định những điều kiện chung về việc hành nghề ký giả và những điều kiện hành-nghề riêng cho từng người.

Sắc-luật số 10/64 ngày 3-4-1964 đã định nơi điều 11 những điều kiện cần hội đủ để được coi là ký-giả chuyên nghiệp : đã làm ký giả trong khoản thời gian ít nhất là 7 năm, đã giữ ít nhất chức vụ chủ bút hay thư-ký tòa-soạn trong một năm, hoặc sống bằng nghề ký giả và được Hội-Đồng Báo chí cấp thẻ. Nhưng Hội-đồng Báo chí cho đến nay vẫn chưa được công nhận nên các luật lệ nói trên chỉ là mớ chủ yếu tử...

★

★ ★

Tuy nhiên, sự tu chỉnh các điều luật trên đây chỉ là một điều kiện cần chứ chưa đủ để có một nền tự do báo chí thực sự.

Trong hiện tình tổ chức xã-hội, khó có thể tạo lập được một chế độ báo chí hoàn hảo. Đến nay chưa có pháp chế nào tóm thâu được mọi lợi ích của tự do, vừa gạt bỏ được những lạm dụng quyền tự do ấy.

Vì vậy, muốn có một bộ luật báo chí hoàn toàn, thiết tưởng cần phải có một khung cảnh thật thuận lợi, một trình độ thông cảm giữa nhà báo và chính-quyền, một sự yêu-nghề của giới cầm bút cũng như một trình độ văn-minh của quan chúng... đó mới chính là những điều kiện cần và đủ cho việc thực thi một nền báo chí tự do, dân chủ và giá trị. Và đó là chủ đề của Chương II dưới đây.

CHƯƠNG II

Điều kiện cần có của một nền tự do báo chí thực sự

Muốn tổ chức được một nền báo chí thực sự tự do không phải là điều dễ-dàng : Một sự xáo trộn nhỏ nhỏ về chính-trị, về quân-sự hoặc về xã-hội, kinh-tế, vẫn có thể làm cho yếu tố tự do này lung lay... Hơn thế nữa, có khi có đầy đủ yếu tố ngoại tại trên mà không có sự thực tâm của chính-quyền hoặc sự thoái hóa của nhà báo hay sự thiếu cộng tác của giới độc giả quần chúng... thì dù cố gắng thế mấy, nền tự do báo-chí cũng không thể nào trưởng thành được.

Do đó, muốn đạt được một mức độ báo chí tự do tương đối như các quốc-gia Âu-Mỹ hiện tại, Việt-Nam chúng ta cần phải cố gắng tranh đấu nhiều, tranh đấu thế nào để tạo được một khung cảnh thuận lợi về chính-trị, ổn định về xã-hội, phát-triển về Kinh-tế và sự an-toàn về cá nhân... Và cũng phải tranh đấu làm sao để tạo nên những thái độ cần phải có của báo-giới, chính-quyền, quần chúng... để cả 3 thành phần này có một sự cộng tác chân thành, có thành tâm thiện chí xây dựng và duy-trì quyền tự do báo chí.

Có đầy đủ 2 yếu tố trên - yếu tố chủ quan và yếu tố khách-quan - thì nền tự do báo chí thực sự mới có thể đóng được 2 vai trò cao cả của mình là thông tin, và phê bình kiểm soát chính-quyền trong thể chế dân chủ vậy.

Chương II sẽ gồm :

Đoạn I - Yếu tố khách quan

Đoạn II - Yếu tố chủ quan

ĐOẠN I. - CÁC YẾU TỐ KHÁCH QUAN.

Một điều mà ai cũng phải công nhận là hợp lý là sở dĩ báo chí Việt-Nam chưa được hoàn tự do là vì Việt-Nam còn đắm chìm trong khói lửa chiến tranh và vẫn còn bao vây bởi mạng lưới chậm tiến...

Thực vậy, chiến-tranh và chậm tiến là kẻ thù của mọi quyền tự do, chứ không riêng về tự do ngôn luận hay Tự do Báo-chí.

Suốt từ thời kỳ Pháp thuộc đến nay, Việt-Nam ta đã có biết bao nhiêu đạo-luật qui-định quyền tự do báo-chí nhưng nào có thực-hiện được? Lý do thật gian đi là ta chưa có một nền chính trị thực ổn-định, một xã-hội thật yên ổn, một nền kinh-tế thật thịnh-vượng và sau hết là một sự an toàn và thăng tiến của cá nhân.

Nói khác đi, đó là một khung cảnh ngoại tại cần thiết cho sự phát-triển toàn bộ của xứ sở: chính tình ổn định, vững chắc, kinh-tế, tài chánh ổn-cố và phát-triển, tình trạng xã-hội thuận nhất đoàn kết chặt chẽ.

Thật ra đây là một hình ảnh lý tưởng khó bao giờ được thực hiện đầy đủ như vậy, vì trên thực tế mọi quốc-gia đều không ít thì nhiều chịu bất ổn trên một vài khía cạnh sinh hoạt... Riêng đối với các nước chậm tiến, trong đó có quốc-gia Việt-Nam, một xứ sở đang còn ở trong trạng thái nghèo đói, chịu chiến tranh từ hơn một phần tư thế kỷ đến nay, đang cố gắng điều trị các vết thương ung nhọt... để vươn lên một tình trạng ổn định và phát triển mọi mặt... Ý thức được điều này, nhận chân được thực tại nước nhà, báo giới sẽ hiểu thế nào là vai trò và nhiệm vụ của mình trong công cuộc ổn định quốc-gia, xây dựng trật tự xã-hội và phát triển tiềm năng của dân tộc.

Quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí được quy-định không những có mục đích thực thi dân chủ, xây dựng xã-hội,

kiến tạo hòa bình mà còn có mục đích điều hợp quyền lợi, nghĩa vụ của báo giới đối với quyền lợi chung của dân tộc... Chính vì vậy mà chưa bao giờ báo chí Việt-Nam có một quyền tự do thực sự như các quốc-gia Âu-ly.

Và chỉ khi nào Việt-Nam Cộng-Hòa đã có tình hình thắng lợi quân sự, ổn định chính-trị, kinh-tế tài chánh vững chắc và tốt đẹp, một sự nhất trí và tiến bộ của xã-hội thì lúc đó báo chí mới có quyền hưởng một nền tự do thực sự.

Nói khác đi, báo chí chỉ được hưởng trọn vẹn tinh hoa của dân chủ tự do khi nào không còn những giới hạn chặt chẽ, khe khắt, vô đoan, bất công... những điều mà người ta gọi là "bí mật quân sự hay quốc-phòng" "bất lợi chính-trị" "nguy cơ xã-hội" "tai hại kinh-tế tài chánh", "chia rẽ dân tộc"...

Và ta có thể tóm lược nhận định này bằng lời phát biểu hoa mỹ sau đây : "Khi nào lưỡi gươm Lamocles không còn lơ lửng xoay như chong chóng trên đầu những người làm báo, thì mới có thể có được quyền tự do ngôn luận đúng nghĩa được".

DOAN II.- CÁC YẾU TỐ CHỦ QUAN.

Khung cảnh bên ngoài hay các yếu tố khách quan trên tuy cũng góp phần vào việc xây dựng một nền tự do báo chí nhưng dù sao cũng không nắm phần quyết định và chủ động như các yếu tố chủ quan. Các yếu tố này có tính cách trực tiếp nòng cốt và căn bản cho giá trị thực sự của quyền tự do thông tin... Hay nói khác đi, đó là nhiệm vụ của các người nắm giữ đệ tứ quyền, các giới chức công quyền hành xử luật lệ báo chí, cũng như các độc giả quần chúng. Các yếu tố này bao gồm các điều kiện về tinh thần, về vật chất, và về luật định.

Ta sẽ lần lượt trình bày sau đây :

I/- PHÍA BÁO GIỚI.

Quyền tự do ngôn luận và báo chí có đạt được hay không tùy thuộc một phần lớn vào người cầm bút. Nhưng ở Việt-Nam cũng như hầu hết ở các quốc-gia chậm tiến khác quyền Tự-do Báo chí bị nhiều người quan niệm một cách thiếu sốt :

1/ Báo chí chỉ coi trọng nhiệm vụ thông tin và tường thuật tin tức, chỉ chú trọng nhiều đến tin tức chính trị, tin vật nhưng lại ít chú trọng đến vai trò giáo-dục, mà tại các quốc-gia chậm tiến, vai trò này rất quan trọng.

2/ Quan-niệm thương mại của nhà báo : họ chỉ chú trọng đến lợi lộc hơn là mục đích cao cả của báo chí, họ bỏ tiền làm báo như một cơ sở Thương-mãi kỹ-nghệ.

3/ Tinh thần trách-nhiệm, độc-lập, vô tư, khách-quan không được nhà báo coi trọng lắm - Đó là một trở ngại cho sự phát triển tự do báo chí.

4/ Xu hướng lạm dụng tự do tư tưởng và tự do ăn nói. Chính vì có xu-hướng này mà có xu hướng chống đối. Cả 2 xu hướng vừa kể đều có hại cho quyền tự do báo chí.

5/ Sự liên kết chính-trị của giới chủ báo. Sự kiện này quả là rõ rệt, không cần phải chứng minh. Những ký giả độc lập khó có thể cộng tác với báo tranh đấu và người ký giả ôn-hòa khó có thể làm việc với một tòa soạn cực đoan và ngược lại.

6/ Bộ biên tập kém : nhà báo muốn thi hành đầy đủ nhiệm vụ của mình phải có căn bản kiến thức vừa sâu, vừa rộng với một sự hiểu biết nghề nghiệp vững chắc. Làm báo cũng như làm chính-trị, đòi hỏi một kiến thức bao quát, không được hời hợt. Muốn viết hay, đúng, bổ ích và hướng dẫn, ngoài tài

viết văn, các ký giả còn phải quen thuộc với vấn đề mình viết cùng những khía cạnh chuyên môn và pháp lý của nó.

Trên đây là những khuyết điểm mà báo chí Việt-Nam thường mắc phải.

Muốn khắc phục, báo giới phải ý thức đứng đắn về nhiệm vụ thiêng liêng cao cả của mình. Họ hành xử quyền tự do ngôn luận trong sự hiểu biết thấu đáo quyền hạn và nghĩa vụ của mình. Họ phải quan-niệm thật rõ ràng vai trò của mình trong nền tự do dân chủ nói chung và trong lãnh vực báo giới nói riêng. Họ thực hiện quyền căn bản này sao không phương-hại đến an-ninh quốc-gia, trật tự công cộng và thuần phong mỹ tục - và không đi ngược lại tinh thần tiến bộ công ích của toàn dân.

Tóm lại, vai trò của nhà báo thật thiết yếu, chính họ là yếu tố quyết-định cho sự hiện hữu của một nền báo chí tự do, tiến bộ và xây dựng... Muốn thế, báo giới phải tỏ ra có khả năng, xứng đáng với sự mệnh và lương tâm nghề nghiệp.

Tại Việt-Nam, không thiếu gì những tâm gương sáng chói trong lịch sử báo giới, nhưng một sự thực đau lòng mà ta phải công nhận là làng báo Việt-Nam nói chung vẫn chưa đáp ứng được kỳ vọng của quần chúng, cũng như sự tin tưởng của chính quyền. Tóm lại, dù có hơn 100 năm quá trình tranh đấu, báo giới Việt-Nam vẫn còn trong tình trạng chia rẽ, lạc hậu và ấu trĩ.

Muốn cải thiện được tình trạng này, thiết tưởng không còn vấn đề nào cấp bách hơn, là thanh lọc hàng ngũ báo giới, nâng cao trình độ văn-hóa và căn bản kiến thức của người làm báo bằng cách mở thêm trường báo chí và giúp đỡ những trường báo chí sẵn có, huấn luyện nghề ký giả về công việc quản-trị và phát hành báo ; hoặc cấp học bổng cho ký giả du học ở ngoại quốc, hoặc liên lạc với các cơ quan quốc tế xin tài chánh và chuyên viên sang huấn luyện...

Hơn thế nữa, phải có một qui chế ký giả tiên bộ và ưu đãi nhằm nâng cao đời sống vật chất và bảo đảm an-ninh tối thiểu cho nghề nghiệp...

Có thực hiện được những công việc trên, làng báo Việt-Nam mới có cơ hội thuận tiện và đầy đủ để tạo được một nền tự do báo chí thực sự, đáp ứng được lòng kỳ vọng của mọi tầng lớp xã-hội.

II/- PHÍA ĐỘC GIẢ QUẦN CHÚNG.

Đối tượng của báo chí là độc giả - Báo mà không có độc giả thì không thể nào sống được. Quần chúng nắm giữ vai trò phê phán giá trị và quyết định sự sống còn của báo chí. Vì vậy vai trò của quần chúng rất quan-trọng trong việc phát triển hoạt-động và nâng cao giá trị của báo-giới cho nên, điều kiện đòi hỏi chung ở nơi độc giả là độc giả phải có những nhận-định sáng suốt, hợp lý, khách quan đối với báo chí, phải có thái độ ủng hộ hay tẩy chay khi cần.

Tại Việt-Nam, tình trạng độc giả có thể được nhìn qua các dữ kiện đáng buồn như sau :

- Hầu hết các báo đều tập trung ở Thủ đô Saigon và ít có báo nào lưu hành đến các làng mạc xa xôi, hẻo lánh.
- Báo chí ở trong tình trạng vô kỷ-luật, chia rẽ, lệ thuộc chính quyền.
- Sự bán chạy "ăn khách" của những tờ báo mị độc giả chuyên khai thác dục vọng thấp hèn, khơi sâu hố chia rẽ tôn giáo, chủng tộc, phá hoại xứ sở.

Tình trạng này được giải thích bằng nhiều lý do :

- Tình trạng mù chữ của đa số dân chúng sống ở thôn quê.
- Tình trạng nghèo nàn của dân chúng : một tờ báo giá bằng một bữa cơm.

- Sự bất thuận nhất giữa thành thị và thôn quê :
tính cách bất thuận nhất thể hiện giữa dân chúng :
dân chúng ở thành thị biết chữ giỏi, biết ngoại ngữ nên nghe được làn sóng ngoại quốc hay đọc được báo ngoại ngữ, biết được những tin-tức xác thực hơn báo chí bản xứ.

Tình cảnh bất thuận nhất còn xảy ra giữa các chủng tộc : chủng tộc thiểu số không được thông tin đầy đủ vì báo chí bằng thổ ngữ hầu như không có.

- Phương tiện giao thông kém, hầu như bị trở ngại hoàn toàn vì chiến tranh : một tờ báo đến một tỉnh xa xôi nó phải mất đi hàng tuần làm mất thời gian - tính của các tin thời sự :

Vì các lý do trên mà độc giả Việt-Nam chưa ý thức được trách nhiệm của mình đối với sự sống còn của báo chí cũng như chưa ý thức được mình là một thành phần quan trọng xây dựng và củng cố nền tự do báo chí.

Thêm vào đó, tệ trạng mướn báo càng ngày càng bành trướng làm cho sự phát triển nền báo chí ở nước nhà quả đã gặp những trở ngại khó vượt qua !

Vậy, điều kiện cần thiết nơi độc giả đối với báo chí phải làm thế nào để họ có một đời sống vật chất khá quan, một trình độ học thức, và biết hợp lý, tiến bộ, thích ứng với nhu cầu của dân tộc.

III/- PHÍA CÔNG QUYỀN.

Công quyền tức nhà nước được ủy nhiệm vai trò hướng dẫn, bảo đảm và trưng trị báo chí, nên đã đóng một vai trò tối quan-trọng trong việc kiện toàn, một nền tự do báo chí. Tự do ngôn luận, tự do báo chí có được thể hiện trọn vẹn hay thiếu sót đều tùy thuộc vai trò giám hộ của công quyền.

Như chúng ta đã biết, vai trò của công quyền đối với báo chí được phân phối cho 2 ngành : Tư-pháp và Hành-Pháp. Chúng ta lần lượt phân tích dưới đây :

1/ Cơ quan Tư-Pháp.

Prévost Paradol đã phát biểu ; "Muốn tìm hiểu chế độ báo chí của một quốc-gia, hãy tìm hiểu ai là kẻ xét xử báo chí". Qua lời tuyên bố này. Prévost Paradol đã gián tiếp đề cao vai trò của tòa án đối với báo chí.

Thực vậy, trong hầu hết các bộ luật báo chí tại các quốc-gia dân chủ, cũng như qua luật 19/69 của Việt-Nam Cộng-Hòa, thẩm phán được trao-phó rất nhiều thẩm quyền cũng như nhiệm vụ trong việc xây dựng và củng cố nền tự do báo chí.

Những sơ hở hay thiếu sót của Qui chế Báo chí đã vô tình hay cố ý dành cho thẩm phán quyền bổ túc và giải thích, nên thẩm phán được xem là có nhiệm vụ qui-định các lần mức cụ thể cho nền tự do ngôn-luận, ngoài nhiệm vụ xét xử các vụ án và trừng trị tội phạm.

Với quyền ra lệnh tịch thu và đình bản, cơ quan tư pháp đã hiển nhiên nắm giữ sự sống còn của báo chí.

Với quyền trừng phạt bằng tiền bạc, bắt giam... tòa án đã quyết định vận mạng và sự nghiệp của người làm báo...

Sở dĩ cơ-quan tư-pháp đã thụ đắc được các quyền quan trọng trên đây là vì nhân dân đã đặt trọn niềm tin tưởng vào sự trong sạch và vô tư của người cầm cân công-lý.

Tại Việt-Nam, cho đến nay, phải thực sự công-nhận rằng tòa án đã làm mất mát nhiều kỳ vọng lớn lao này : các thẩm phán thường bị coi là thiếu vô-tư, công-minh..., tòa án thường bị chỉ trích là chậm chạp, hình thức, lệ thuộc chính quyền hành pháp.

Trước các lời lẽ chỉ-trích trên, cơ quan tư-pháp thường đưa ra các lý do sau để biện minh :

- Nhân viên yếu kém về số lượng.
- Sự bất tuân luật pháp của báo chí.
- Sự né tránh, xem thường luật lệ của chính quyền.
- Thế thức, thủ tục, hồ-sơ quá rườm rà nên chậm chạp...
- Mực sống vật chất thấp kém...

Các lý do trên không phải là không hoàn-toàn xác đáng, nhưng trong niềm tin tưởng vững chắc và mãnh liệt, trong tương lai, cơ quan tư-pháp sẽ thi hành nhiệm vụ của mình thật hữu hiệu và sẽ "cầm cân nẩy mực" cho sinh hoạt báo chí được hưởng tự do và dân chủ !

- Tòa án sẽ độc lập vững mạnh đối với chính-quyền và các nhóm áp-lực khác.
- Thẩm phán sẽ công-minh, vô tư trong việc xét xử và trưng trị báo chí.
- Có sự cảm thông rộng rãi giữa cơ quan tư-pháp và báo giới.
- Sự bảo đảm tính cách trong sạch của thẩm phán bằng đời sống vật chất đầy đủ.
- Sự thanh lọc hàng ngũ nhân-viên trong ngành tư-pháp.
- Sự thu-nhận các thẩm phán trẻ, có tinh thần tự-do, cấp tiến, trọng pháp và luôn hăng say trong nhiệm vụ.

2/ Cơ quan Hành-Pháp.

Từ bấy lâu nay, chính-quyền Việt-Nam thường có khuynh-hướng can thiệp và kiểm soát báo chí bằng rất nhiều phương-tiện, càng khắc khe càng tốt, với mục đích là hướng

dẫn báo chí đi theo chính-sách mà chính-quyền đã vạch sẵn. Những tờ báo nào đi ngược lại với đường lối chủ trương của chính-quyền thì sẽ bị chế tài nghiêm-khắc.

Để giải thích và biện minh cho khuynh-hướng này, các lý do sau đây thường được chính-quyền viện dẫn :

- Tình trạng chậm tiến
- Tình trạng chiến tranh...

Vì quốc-gia còn đang ở trong tình trạng chậm tiến nên báo giới (cả dân chúng nữa) chưa có một ý niệm chính xác thế nào là tự do dân chủ nên không thể hành động đúng theo nguyên tắc dân chủ, vì thế nếu được tự do có thể gây nên bất ổn, hỗn loạn trầm trọng, phương hại đến an-ninh quốc gia, trật tự xã-hội và nhân phẩm con người.

Ngoài lý do chậm tiến. Quốc-gia hiện đang triển miện trong khói lửa chiến-tranh ngày càng ác-liệt nên chính quyền cần phải tích cực kiểm soát quyền tự-do ngôn-luận và báo chí hầu ngăn ngừa sự tiết-lộ bí mật quốc-phòng có hại cho cuộc chiến đấu máu còn của xứ sở...

Với hai lý do nêu trên, chúng ta có thể chấp nhận sự kiểm soát báo chí trong thời kỳ chiến-tranh, nhưng thật khó mà chấp nhận sự can thiệp của chính quyền về tình trạng chậm tiến - Trái lại, trong thời kỳ này, chính quyền càng nên cố gắng nới rộng quyền tự do ngôn luận để tạo môi trường thuận lợi cho việc giáo hóa quần chúng sinh hoạt trong nếp sống dân chủ...

Nhưng điều đáng đề cập ở đây không phải là vấn đề hủy bỏ vai-trò cần thiết của chính quyền mà phải làm thế nào là có sự cộng tác chân thành giữa báo chí và chính quyền.

Hiện tại, ở nước ta, báo chí và chính quyền chẳng những đã không có sự cộng tác chặt chẽ mà còn ở vào một thế lưỡng lập chống đối.

Dành rằng báo chí ở một nước dân chủ có quyền đối lập với chính-phủ, nhưng không phải lúc nào cũng đứng bên này hay bên kia lẫn mức mới có thể tranh đấu được, không phải lúc nào báo chí và chính-quyền cũng coi nhau như kẻ thù không đội trời chung và rình những cơ hội để tiêu diệt lẫn nhau. Khi thấy chính phủ lầm lẫn thì báo chí lớn tiếng công kích nhưng khi thấy chính-phủ đạt được những thành quả đáng kể thì lại làm ngơ. Về phần chính quyền thì khi thấy báo chí vi-phạm một vài luật lệ, có thể đã lỗi thời, liền áp-dụng những biện-pháp khắc khe như để phục thù, chẳng hạn như đình bản, rút giấy phép.

Trong hoàn cảnh như vậy, báo chí không thể nào phát triển được. Bởi vì có những tờ báo mới xuất bản, đôi khi chỉ vài ngày, thì bị đóng cửa khiến cho việc đầu tư của ngành báo chí trở thành một công cuộc phiêu-lưu nguy hiểm.

Tình trạng bấp bênh như trên khiến cho không một ai dám về địa-phương làm báo. Cách đây vài năm, tờ MIỀN TÂY ra đời được ít số ở Cần-Thơ đã phải rút lên Saigon nhưng rồi cũng không sống được bao lâu.

Thành thử các báo Việt-Nam hiện nay dù phục vụ cho một thiểu số độc giả ở Saigon trong khi đa số quần chúng ở nông thôn, muốn biết tin tức, phải trông cậy vào những phương tiện thông-tin khác như vô-tuyến truyền thanh và truyền hình, nếu không thì phải chờ những tờ báo ấn-hành ở Thủ-đô gửi về, có khi vài ba hôm, có khi năm bảy ngày sau mới tới.

Vấn đề cải thiện mối liên hệ giữa báo chí và chính quyền quả là một vấn đề gai-góc, vì không dễ gì xóa bỏ thành kiến sẵn có từ nhiều năm nay, nhưng đó không phải là vấn đề không giải-quyết được. Nên bắt chước báo chí ngoại quốc như ở Tây-Đức chẳng hạn - Chính quyền và báo chí đã nỗ lực xây dựng trong một tinh thần cộng tác mật thiết và cởi mở, tự do ngôn luận được áp-dụng một cách đúng đắn và trách-nhiệm luôn luôn được báo chí đề cao tôn-trọng - Sự hợp tác hỗ tương đó được thể hiện bằng cách thành lập một ủy hội có nhiệm vụ giải quyết mọi vấn đề khó khăn của báo chí. Ủy-hội

góp ý kiến và đề nghị với Hành-pháp và Lập-pháp tất cả những gì liên quan đến báo chí trong các lãnh vực Kinh-tế, Chính-trị cũng như Pháp lý.

Hội-đồng Báo chí qui-định trong Luật 19/69 là một hình thức của Ủy-hội bên Đức, nhưng tiếc thay, sự thành hình của nó cũng như nhiệm vụ điều hành của nó đã gặp rất nhiều trở ngại khó vượt qua và hiện nay chỉ là một cơ quan hữu danh vô thực ! Lý do là vì thiếu sự cộng tác của chính quyền, và sau đó là các báo chí đều không thành thực trao đổi ý-kiến, luôn tìm cách khuyh loát lẫn nhau vì quyền lợi, vì ảnh hưởng...

Trở lại vấn-đề hành xử quyền hành của chính-quyền đối với báo chí, chúng ta thiết tưởng chánh quyền nên thi hành nhiệm vụ của mình một cách nghiêm-chính và hợp-pháp. Chính-quyền đã bị chỉ-trích về vấn-đề tịch thu báo bừa bãi, kiểm duyệt khắc khe...

Muốn cải thiện tình trạng đáng buồn này, thiết tưởng không có gì cấp thiết hơn các điều kiện sau đây :

- Nâng cao trình độ văn-hóa, kiến thức tổng quát của những nhân-viên tiếp xúc với báo giới.
- Giới lãnh-đạo phải có thực tâm xây dựng dân chủ và tinh thần trọng pháp.
- Cải thiện đời sống vật chất của các nhân-viên.

Có như vậy, Hành-Pháp sẽ không còn bị mang tiếng là cố tình bóp chết tự do ngôn-luận và thao túng làng báo.

Tóm lại, muốn kiến tạo một nền tự do báo chí hợp lý và trường cửu, cả 4 thành-phần báo giới, quần chúng cơ-quan tư-pháp và hành-pháp phải tự ý-thức được quyền hạn và nghĩa vụ của mình, biết thông cảm những khó khăn của nhau và cùng đồng tâm nhất trí giai-quyết các trở ngại. Có những

- 85 -

điều kiện như thế thì chúng ta có thể tin tưởng rằng : trong một hoàn cảnh thuận lợi tốt đẹp về kinh-tế, chính-trị, quân sự, với một bộ luật Báo chí hoàn hảo, nền tự do báo chí thực sự, tiến bộ sẽ thành hình với nhiều triển vọng nhất.

★

★ ★

TỔNG KẾT

Tự do báo chí là một thứ tự do đặc biệt vì nó bảo đảm cho nhiều thứ tự do khác và còn có thể nói là căn bản của mọi chế độ dân chủ.

Có tự do báo chí - và cùng với nó : tự do thông tin, tự do ngôn-luận - thì mới có đời sống dân chủ thật sự, mới tạo ra được cho người công dân tinh-thần tự do thay vì tinh-thần nô lệ, mới khuyến-khích sự suy-tưởng, tranh luận, đối thoại và trao đổi ý kiến.

Có tự do báo chí, tự do phê bình, tự do chỉ trích chánh quyền thì mới tạo ra cái thế quân-bình, ngăn được khuynh-hướng chuyên-chế của cơ quan Hành-Pháp, bài trừ được tệ đoan vì tham nhũng chỉ sinh ra và trưởng thành trong bóng tối.

Nhưng tự do báo chí cũng có thể trở thành công cụ phá hoại ghê gớm đối với cá nhân (làm cho người ta phải tự tử, gia-đình tan-nát, cũng như đối với xã-hội (phá rối trị an-, gây đại loạn chính trị, làm hại thuần phong mỹ tục)

Bởi thế sự hạn chế quyền tự do này là một điều cần thiết. Pháp luật đã qui định nhiều hạn chế. Nhưng ta thấy rằng những hạn chế này rất có dân. Chế độ báo-chí có tự do hay không không phải ở chỗ Hiến-Pháp công nhận tự do báo chí hay không. Luật Báo chí của chính-phủ Nguyễn-Khánh long trọng tuyên bố quyền tự do báo chí đã trả lời phần nào điểm đó. Tự do Báo chí không phải là một nguyên tắc hiến chính hay là một tuyên-ngôn cương lĩnh.

Tự do Báo-chí phải là một chính-sách của chính quyền. Nếu chính quyền áp dụng những hạn chế luật định tới mức tối đa thì không còn tự do báo chí nữa. Trái lại, mức độ tự do sẽ tối đa nếu chính quyền chỉ xử dụng những hạn chế ở mức tối thiểu.

Tới nay, ở Việt-Nam, báo chí chưa được hưởng tự do một cách chân thật mặc dù người ta vẫn lấy tự do dân chủ làm chân ngôn tranh đấu cho chế độ Quốc-Gia và hứa hẹn cả trên "giấy trắng mực đen" của Hiến-Pháp và luật lệ.

Luật 19/69 ngày 30-12-1969, tuy được xem là một bộ luật tiến bộ nhưng quyền tự do báo chí vẫn bị chi-phối : chế độ xin phép ra báo vẫn còn dưới hình thức cấp phải lai, và những điều kiện của người xin ra báo hết sức khe khắt, các hình phạt về vi-phạm luật báo chí hết sức nghiêm khắc.

Người ta giải-thích thái độ trên bằng lý do "chiếu tranh chống Cộng" Nhưng đáng lẽ người làm luật nên quan niệm rằng đối với những hoàn cảnh đặc biệt nên có những luật pháp đặc biệt, còn luật báo chí phải là một đạo luật lâu bền (Luật 1881 đến nay đã hơn 90 năm).

Người ta cũng phải quan-niệm rằng những hình phạt dù khốc liệt đến đâu cũng không thể nào tiêu-diệt được nhu cầu tự do và sức sống mãnh liệt của những người ham chuộng tự do.

Để dung hòa những nhu cầu tự do và hạn chế tự do, tốt hơn hết là chính quyền chỉ nên hạn-chế tự do báo chí ở mức tối thiểu và để cho báo chí tự hạn chế mình.

Do đó, trách nhiệm của nhà báo hết sức nặng nề Báo chí vừa phải ý thức được ảnh hưởng về quyền lực của mình, vừa phải ý thức được bổn phận, sứ mạng cao quý của mình trong công việc đăng tải tin tức, phát biểu ý kiến, phê bình chính quyền.

Đối với danh dự của tư nhân, người làm báo phải nhớ câu "Kỷ sở bất dục, vật thị ư nhân" Đối với an-ninh quốc-gia, trật tự công cộng, báo chí phải ý thức rằng những quyền tự do mà chúng ta được hưởng không phải là để "phá hoại" mà là để "xây dựng".

Tự do báo chí chỉ có nghĩa là một sự thật nếu chính quyền và báo chí đều hành động trong tinh thần dân chủ xây dựng và coi nhau là "bạn" chứ không là "thù".

Chế độ báo chí phải là một định-chế bảo vệ quyền tự do ngôn-luận và tổ chức quyền này để toàn dân được hưởng một cách cụ thể và thiết thực - Như vậy, có nghĩa là chấp nhận sự can-thiệp của Nhà Nước, nhưng quyền tự do ngôn-luận phải được tôn-trọng.

Nhà Nước có bốn phạm can-thiệp vào việc tổ chức một chế-độ báo-chí tự do vì báo chí phải phục vụ quyền lợi chung chứ không thể đi ngược với quyền lợi của nhân-dân được.

Sự can thiệp của Nhà Nước phải thể hiện như thế nào ?.

Nhà Nước, với nhiệm vụ là mưu cầu lợi ích chung, phải ấn-định các điều kiện để hành xử quyền Tự-do ngôn-luận mà không làm tổn thương đến quyền lợi của người khác.

Nhà Nước không những dựng lên những hàng rào để ngăn chặn sự lạm dụng quyền Tự-do này, mà còn phải tạo các điều-kiện để cho mọi người được hưởng dụng một cách tích cực.

Tất nhiên, sự can thiệp ấy cần phải được qui-định rõ ràng để quyền Tự do ấy được thực sự tự do.

Quyền can thiệp của Nhà Nước, tuy chính đáng, nhưng phải được xử-dụng một cách thận trọng.

Trong mọi địa-hạt ; chỉ có kết quả tốt đẹp nếu phân biệt được phần nào dành cho sáng kiến tư nhân, phần nào

thuộc các tổ chức trung gian, phần nào do chính phủ thúc đẩy và phối hợp.

Trong lãnh vực báo chí, sự phân biệt những ranh giới này rất là tế nhị khó khăn - Cho tới nay, các chuyên gia và các hội đồng báo chí cũng chưa biết phải làm gì, làm thế nào - chỉ có một điều chắc chắn là không thể nuôi ý đồ "Nắm" báo chí, dùng báo chí làm công cụ cho chính-quyền. Nếu quyền ngôn luận không còn tự do, báo chí không còn là báo chí. Báo chí không thể nào là một bộ phận của chính quyền mà phải ở ngoài chính quyền và làm thời chống đối chính-quyền. Cho nên đặt báo chí dưới tay chính quyền, dù là một chính quyền hợp hiến và thực sự dân chủ, cũng vẫn là báo chí phục vụ quyền lợi của một thiểu số. Hậu quả do độc tài gây ra sẽ tai hại hơn là những khuyết điểm của báo chí.

Tại các Ủy-Ban quốc-tế như Royal Commission ở Anh, Commission on Freedom of the Press do Ông Robert Hutchins, Viện-Trưởng Đại-Học Chicago thúc đẩy trong những năm 1946 - 1947 có các khuyến cáo sau đây :

- Các báo chí có tính cách lợi ích chung phải được bảo vệ để khỏi bị áp lực các nhóm chính-trị và tài chánh.

- Vừa bảo vệ, vừa cải tiến nội dung tờ báo, vừa giữ sao cho giá bán mỗi tờ báo ở mức hạ nhất.

- Hạn chế chứ không hủy bỏ mọi hậu-quả của sự cạnh tranh kinh-doanh bằng cách hợp lý hóa công việc quản-trị và phân phối xí-nghiệp.

- Các giới tham dự vào tờ-báo kể kể cả độc giả phải được có đại-diện trong những hội-đồng lãnh đạo và kiểm soát các cơ sở báo chí.

*

* *

Trong hiện tình xã-hội Việt-Nam, khó có thể tạo lập được một chế-độ báo chí hoàn hảo. Đến nay, chưa có một pháp chế nào vừa tóm thâu được mọi lợi ích của tự do, vừa gạt bỏ được những lạm dụng quyền tự do ấy.

Thiết tưởng, muốn bảo đảm quyền tự do ngôn-luận, Việt-Nam phải làm sao có một bộ luật báo chí tiến bộ về bộ luật ấy phải gồm 3 điểm.

- Về Nội-dung, quyền tự do ngôn-luận phải được triệt để bảo-vệ. Báo chí phải được tự do thông-tin, tự do bình luận nhưng phải nhận trách-nhiệm về mọi hành-vi của mình.

- Về cơ sở, quyền tự do xuất bản phải được quan niệm trong một tinh thần thật sự dân chủ. Các cơ sở báo chí phải có tính cách công sở để phục-vụ đắc lực quyền lợi của đồng bào.

- Về nghề nghiệp, quyền tự do lập hội của các ký giả phải được khuyến-khích để việc đào luyện ký giả được thường-xuyên, kỷ-luật đoàn thể được tôn-trọng, lương tâm chức nghiệp được nâng cao,

Ước mong thay !

Saigon, ngày 30 tháng 8 năm 1972

THƯ TỊCH

I/- TÀI LIỆU VIỆT NGỮ.

A.- Văn-kiến pháp-lý và sách.

- Luật 19/69 ngày 30-12-1969 ấn-định qui-chế Báo chí.
- Sắc-luật số 10 - 64 ngày 30-4-1964 về qui chế tự do xuất bản báo chí và tổ-chức nền báo chí.
- Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa ngày 1-4-1967.
- Hiến-Pháp chú-thích - Luật gia Trương-tiến-Dạt.
- Sưu tập luật lệ hiện-hành về báo chí và ấn-loát phâm do Bộ Thông-tin ấn-hành.
- Sắc-luật 007 ngày 4-8-1972.

B.- Nhật báo và tạp chí.

- "Nhận xét về dự luật Qui-chế Báo-chí" của Trương-bảo-Sơn - báo Sống.
- Nhận định về Qui-chế báo chí - Lê-Tuệ - báo Cấp Tiên.
- "Qui chế Báo chí sẽ đi về đâu - Trần-Việt-Anh - Báo Chính-Luận.
- Báo chí học - Số 2 và 3.

C.- Các luận văn sưu khảo.

- Văn đề kiểm duyệt báo chí sau tết Mậu Thân. Lê-ngọc-Hồ - Đốc-sự 13.

